

Số: **758** /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **27** tháng **3** năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp
công trình thủy lợi hồ chứa nước Sông Mây**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;
Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;
Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP, ngày 6 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;
Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 830/TTr-SNN ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc đề nghị phê duyệt Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình thủy lợi hồ chứa nước Sông Mây.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình thủy lợi hồ chứa nước Sông Mây.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh Đồng Nai; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai; Giám đốc các

Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông Vận tải, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động-Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Trảng Bom, Vĩnh Cửu; Giám đốc Đài Khí tượng thủy văn Đồng Nai; Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai; Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Q. Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

(Khoa/Qdhosmay/25.03-76)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



PHƯƠNG ÁN

Ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Sông Mây

(Kèm theo Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Cơ sở pháp lý

Việc thực hiện Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình thủy lợi hồ chứa nước Sông Mây phải tuân thủ theo:

1. Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
2. Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;
3. Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;
4. Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
5. Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;
6. Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
7. Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;
8. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
9. Nghị định số 66/2021/NĐ-CP, ngày 6 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;
10. Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;
11. Quyết định số 60/2022/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
12. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn
 - a) Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 04-05:2022/BNNPTNT - Công trình thủy lợi - các qui định chủ yếu về thiết kế.
 - b) Quy chuẩn QCVN 01:2019/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy hoạch xây dựng
 - c) Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13615:2022 Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ.

d) Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9147:2012 Công trình thủy lợi - Quy trình tính toán thủy lực đập tràn.

đ) Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 11699:2016 Công trình thủy lợi - Đánh giá an toàn đập.

e) Tiêu chuẩn kỹ thuật TCKT 03:2015/TCTL Công trình thủy lợi - Hướng dẫn xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du hồ chứa nước trong tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập.

g) Các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan khác.

Điều 2. Khái quát về chủ sở hữu và tổ chức khai thác hồ chứa

1. Về chủ sở hữu hồ chứa

a) Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ: Số 02 đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: (0251).3847292. Website: <http://www.dongnai.gov.vn>.

b) Cơ quan chủ quản: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ: Đường Đồng Khởi, khu phố 3, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: (0251) 3822970 - Fax: (0251) 3827393. Website: <http://sonongnghiep.dongnai.gov.vn>.

2. Tổ chức quản lý, khai thác hồ chứa: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai. Địa chỉ: 126 Nguyễn Ái Quốc, khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: (0251) 6297663. Website: <http://www.thuylodongnai.vn>.

Điều 3. Khái quát về hồ chứa

1. Tên công trình: Hồ chứa nước Sông Mây.

2. Loại và công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thủy lợi hồ chứa nước. Công trình cấp III.

3. Đơn vị quản lý, khai thác công trình: Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai.

4. Nhiệm vụ của công trình: Cung cấp nước tưới cho diện tích 950 ha lúa đông xuân, 700 ha lúa hè thu, 600 ha lúa vụ mùa và nuôi trồng thủy sản với diện tích 67 ha, cấp nước thô cho Công ty TNHH Bochang Donatours với lưu lượng 2.000 m³/ngày-đêm.

5. Địa điểm xây dựng: Xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

6. Thời điểm xây dựng và đưa hồ chứa vào khai thác sử dụng: Công trình được khởi công xây dựng năm 1978 và hoàn thành đưa vào khai thác năm 1981.

7. Thông số kỹ thuật:

Bảng 1-1: Thông số kỹ thuật hồ chứa nước Sông Mây

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ
I	Thông số kỹ thuật công trình đầu mối hồ chứa		
1	Cấp công trình và tiêu chuẩn thiết kế		

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ
	Công trình đầu mối	Cấp	III (QCVN 04-05-2022)
	Tần suất tưới thiết kế	%	85
	Tần suất lũ thiết kế	%	1,5
	Tần suất lũ kiểm tra	%	0,5
2	Hồ chứa		
	Diện tích lưu vực	Km ²	41
	Mực nước chết MNC	m	17
	Mực nước dâng bình thường MNDBT	m	24,5
	Mực nước gia cường MNGC (P = 1,50%)	m	25,66
	Dung tích hồ ứng với MNC	10 ⁶ m ³	0,39
	Dung tích hồ ứng với MNDBT	10 ⁶ m ³	13,75
	Dung tích hồ ứng với MNDGC	10 ⁶ m ³	17,22
	Diện tích mặt hồ ứng với MNC	ha	32
	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	ha	269
	Diện tích mặt hồ ứng với MNDGC	ha	302
3	Đập chính		
	Kết cấu đập		Đập đất đồng chất
	Cao trình đỉnh đập	m	26,8
	Chiều cao đập lớn nhất	m	14
	Chiều dài đập	m	800
	Bề rộng mặt đập	m	5
	Hệ số mái thượng lưu		01:03,3
	Hệ số mái hạ lưu		01:02,8
4	Tràn xả lũ		
	Đặc điểm kết cấu		BTCT M200
	Hình thức tràn		Tràn tự do
	Cao trình ngưỡng tràn	m	24,5

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ
	Chiều rộng tràn nước	m	39
	Cột nước tràn thiết kế	m	1,16
5	Cổng lấy nước		
	Đặc điểm kết cấu		BTCT M200
	Cao trình ngưỡng cổng	m	14,8
	Khẩu diện cổng (b x h)	m	1,0 x 1,2
	Lưu lượng xả max	m ³ /s	2,76
6	Tràn sự cố		
	Đặc điểm kết cấu		Kênh đất, xả tự do
	Cao trình ngưỡng tràn	m	24,8
	Bề rộng đáy kênh tràn	m	20
	Hệ số mái kênh tràn		1,5
	Cột nước tràn thiết kế	m	0,86

Chương II

KỊCH BẢN ỨNG PHÓ VỚI TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP HOẶC VỠ ĐẬP VÀ VẬN HÀNH HỒ CHỨA

Điều 4. Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,5%

1. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn công trình đầu mối

Khi mực nước hồ đang giữ ở cao trình MNDBT = +24,50 m, ở thượng nguồn có mưa to hoặc rất to, mực nước hồ dâng lên nhanh, nước qua tràn chảy tự do (tràn không có cửa van). Do mưa to kéo dài, mực nước hồ tiếp tục dâng cao và đạt đến MNGC = +25,66 m. Các bộ phận của đập không có dấu hiệu bất thường, không phát hiện thấm tập trung qua thân hoặc nền hoặc vai đập, qua mang và nền cống, tràn, hoặc qua các vết nứt ngang hoặc hệ thống các mạch rò rỉ tiềm tàng trong thân đập. Trong trường hợp này hồ đang xả lũ thiết kế, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông báo nội bộ và báo cáo Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các huyện: Trảng Bom, Vĩnh Cửu và các xã liên quan với mức báo động cấp 1.

2. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn vùng hạ du

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông tin theo các mức báo động cho các địa phương vùng hạ du biết về tình hình công trình và mưa lũ, để chủ động đề phòng, triển khai các phương án phòng tránh.

3. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du

a) Các xã: Bình Minh, Bắc Sơn, Hồ Nai 3, Sông Trầu, huyện Trảng Bom và các xã: Tân An, Thiện Tân, Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại một số vị trí dọc theo suối hạ lưu hồ Sông Mây từ 1,55 m đến 3,32 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 2296,8 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m ÷ 2,0m;

b) Độ sâu ngập lụt, diện tích ngập lụt theo từng cấp độ sâu chi tiết tại Bảng PL2.1, PL2.2 của Phụ lục 2.

4. Công tác vận hành hồ chứa

Vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa nước Sông Mây được phê duyệt tại Quyết định 4126/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và theo phương án phòng chống thiên tai được phê duyệt, khi mực nước đạt MNGC vận hành xả lũ thiết kế.

5. Thống kê các đối tượng, mức độ bị ảnh hưởng

a) Số hộ bị ngập lụt: Có khoảng 2.640 hộ dân bị ngập.

b) Hướng di chuyển, nơi di chuyển đến, phương tiện di chuyển của xã Bắc Sơn, xã Hồ Nai 3, xã Tân An, xã Thiện Tân, xã Vĩnh Tân cụ thể tại Bảng PL3.1 và Hình PL3.1 của Phụ lục 3.

6. Phương án huy động nhân lực, phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư: Chi tiết tại Phụ lục 4.

Điều 5. Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ kiểm tra tần suất 0,5%

1. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn công trình đầu mối

Khi hồ đang xả lũ ở cao trình MNGC = +25,66 m, ở thượng nguồn có mưa to hoặc rất to, mực nước hồ tiếp tục dâng lên nhanh đạt đến MNKT = +25,80 m. Các bộ phận của đập không có dấu hiệu bất thường, không phát hiện thấm tập trung qua thân hoặc nền hoặc vai đập, qua mang và nền cống, tràn, hoặc qua các vết nứt ngang hoặc hệ thống các mạch rò rỉ tiềm tàng trong thân đập. Trong trường hợp này hồ đang xả lũ kiểm tra, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai có thể giải quyết bằng cách thông báo nội bộ và thông báo cho Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai với mức báo động cấp 1.

2. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn vùng hạ du

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông tin theo các mức báo động cho các địa phương vùng hạ du biết về tình hình công trình và mưa lũ, để chủ động đề phòng, triển khai các phương án phòng tránh.

3. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du

a) Các xã: Bình Minh, Bắc Sơn, Hồ Nai 3, Sông Trầu, huyện Trảng Bom và các xã: Tân An, Thiện Tân, Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo suối hạ lưu hồ Sông Mây từ 1,70 m đến 3,54 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 2523,8 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 2,0 m ÷ 4,0 m;

b) Độ sâu ngập lụt, diện tích ngập lụt theo từng cấp độ sâu chi tiết tại Bảng PL2.1, PL2.3 của Phụ lục 2.

4. Công tác vận hành hồ chứa

Vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa nước Sông Mỹ được phê duyệt tại Quyết định 4126/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và theo phương án phòng chống thiên tai được phê duyệt, khi mực nước đạt MNKT vận hành xả lũ kiểm tra.

5. Thống kê các đối tượng, mức độ bị ảnh hưởng

a) Số hộ bị ngập lụt: Có khoảng 3.344 hộ dân bị ngập.

b) Hướng di chuyển, nơi di chuyển đến, phương tiện di chuyển của xã: Bình Minh, xã Bắc Sơn, xã Hồ Nai 3, xã Tân An, xã Thiện Tân, xã Vĩnh Tân cụ thể Bảng PL3.2 và Hình PL3.2 của Phụ lục 3.

6. Phương án huy động nhân lực, phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư: Chi tiết tại Phụ lục 4.

Điều 6. Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,5% + Mưa cực trị (BĐKH)

1. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn công trình đầu mối

Khi mực nước hồ đang giữ ở cao trình MNDBT = +24,50 m, ở thượng nguồn có mưa to hoặc rất to, mực nước hồ dâng lên nhanh, nước qua tràn chảy tự do (tràn không có cửa van), hạ du có mưa cực trị (BĐKH). Do mưa to kéo dài, mực nước hồ tiếp tục dâng cao và đạt đến MNGC = +25,66 m. Các bộ phận của đập không có dấu hiệu bất thường, không phát hiện thấm tập trung qua thân hoặc nền hoặc vai đập, qua mang và nền cống, tràn, hoặc qua các vết nứt ngang hoặc hệ thống các mạch rò rỉ tiềm tàng trong thân đập. Trong trường hợp này hồ đang xả lũ thiết kế, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông báo nội bộ và báo cáo Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các huyện: Trảng Bom, Vĩnh Cửu và các xã liên quan với mức báo động cấp 1.

2. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn vùng hạ du

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông tin theo các mức báo động cho các địa phương vùng hạ du biết về tình hình công trình và mưa lũ, để chủ động đề phòng, triển khai các phương án phòng tránh.

3. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du

a) Các xã: Bình Minh, Bắc Sơn, Hồ Nai 3, Sông Trầu, huyện Trảng Bom và các xã: Tân An, Thiện Tân, Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo suối hạ lưu hồ Sông Mỹ từ 1,64 m đến 3,48 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 2491,7 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5 m ÷ 2,0 m;

b) Độ sâu ngập lụt, diện tích ngập lụt theo từng cấp độ sâu chi tiết tại Bảng PL2.1, PL2.4 của Phụ lục 2.

4. Công tác vận hành hồ chứa

Vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa nước Sông Mỹ được phê duyệt tại Quyết định 4126/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và theo phương án phòng chống thiên tai được phê duyệt, khi mực nước đạt MNGC vận hành xả lũ thiết kế.

5. Thống kê các đối tượng, mức độ bị ảnh hưởng

a) Số hộ bị ngập lụt: Có khoảng 3.629 hộ dân bị ngập.

b) Hướng di chuyển, nơi di chuyển đến, phương tiện di chuyển của các xã: Bình Minh, Bắc Sơn, Hồ Nai 3, Tân An, Thiện Tân, Vĩnh Tân cụ thể Bảng PL3.3 và Hình PL3.3 của Phụ lục 3.

6. Phương án huy động nhân lực, phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư: Chi tiết tại Phụ lục 4.

Điều 7. Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ kiểm tra tần suất 0,5% + Mưa cực trị (BĐKH)

1. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn công trình đầu mối

Khi hồ đang xả lũ ở cao trình MNGC = +25,66 m, ở thượng nguồn có mưa to hoặc rất to, mực nước hồ tiếp tục dâng lên nhanh đạt đến MNKT = +25,80 m, hạ du hồ có mưa cực trị (BĐKH). Các bộ phận của đập không có dấu hiệu bất thường, không phát hiện thấm tập trung qua thân hoặc nền hoặc vai đập, qua mang và nền cống, tràn, hoặc qua các vết nứt ngang hoặc hệ thống các mạch rò rỉ tiềm tàng trong thân đập. Trong trường hợp này hồ đang xả lũ kiểm tra, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai có thể giải quyết bằng cách thông báo nội bộ và thông báo cho Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai với mức báo động cấp 1.

2. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn vùng hạ du

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông tin theo các mức báo động cho các địa phương vùng hạ du biết về tình hình công trình, mưa lũ, để chủ động đề phòng, triển khai các phương án phòng tránh và di tản khi có yêu cầu.

3. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du

a) Các xã: Bình Minh, Bắc Sơn, Hồ Nai 3, Sông Trầu, huyện Trảng Bom và các xã: Tân An, Thiện Tân, Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo suối hạ lưu hồ Sông Mỹ từ 1,90 m đến 3,89 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 2781,6 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 1,0 m ÷ 4,0 m;

b) Độ sâu ngập lụt, diện tích ngập lụt theo từng cấp độ sâu chi tiết tại Bảng PL2.1, PL2.5 của Phụ lục 2.

4. Công tác vận hành hồ chứa

Vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa nước Sông Mỹ được phê duyệt tại Quyết định 4126/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và theo phương án phòng chống thiên tai được phê duyệt, khi mực nước đạt MNKT vận hành xả lũ kiểm tra.

5. Thống kê các đối tượng, mức độ bị ảnh hưởng

a) Số hộ bị ngập lụt: Có khoảng 4.769 hộ dân bị ngập.

b) Hướng di chuyển, nơi di chuyển đến, phương tiện di chuyển của các xã: Bình Minh, Bắc Sơn, Hồ Nai 3, Tân An, Thiện Tân, Vĩnh Tân cụ thể Bảng PL3.4 và Hình PL3.4 của Phụ lục 3.

6. Phương án huy động nhân lực, phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư. Chi tiết tại Phụ lục 4.

Điều 8. Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập khi có lũ kiểm tra tần suất 0,5%

1. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn công trình đầu mối

Khi hồ đang xả lũ ở cao trình MNGC = +25,66 m, ở thượng nguồn có mưa to hoặc rất to, mực nước hồ tiếp tục dâng lên nhanh đạt đến Cao trình MNKT = +25,80 m. Trong trường hợp này hồ đang xả lũ kiểm tra, các bộ phận của đập có một trong các dấu hiệu bất thường như sau:

- Thấm tập trung qua thân hoặc nền hoặc vai đập, qua mang và nền cống, tràn, hoặc qua các vết nứt ngang hoặc hệ thống các mạch rò rỉ tiềm tàng trong thân đập vv...) gây sụt lún dẫn đến nguy cơ vỡ đập; hiện tượng này có thể xảy ra ngay khi trên hồ không có lũ cũng như không có hợp động đất hoặc bị phá hoại.

- Mái đập bị trượt do một số nguyên nhân như đường bão hòa dâng cao, mực nước hồ rút nhanh, do động đất, do bị phá hoại... làm cho mặt cắt đập mất ổn định, xuất hiện dòng thấm, các vết nứt dẫn đến nguy cơ nước tràn gây vỡ đập.

- Đập bị nứt, bị lún do động đất, bị phá hoại đỉnh đập hạ thấp làm nước trong hồ thâm nhập vào các vết nứt hoặc tràn qua chỗ lún sụt gây vỡ đập.

Trong trường hợp này Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai giải quyết bằng cách thông báo nội bộ và thông báo cho Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai với mức báo động cấp 2 và xin hỗ trợ đồng thời điều tra nguyên nhân, đưa ra giải pháp, tiến hành sửa chữa.

Sau khi đã tiến hành các hoạt động khắc phục nhưng hiệu quả ít các dấu hiệu bất thường của các bộ phận của đập tiếp tục tăng nhiều, Trường hợp này Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông báo cho Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh để quyết định mức báo động cấp 3, xin hỗ trợ thêm lực lượng, chuẩn bị di tản.

Mặc dù tiếp tục cấp cứu nhưng nguy cơ vỡ đập là không tránh khỏi, đập sẽ xảy ra vỡ trong vòng vài giờ tới hay là trong vài ngày tới, lũ lụt sẽ xảy ra ở khu vực hạ lưu. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai Thông báo cho Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai để quyết định mức báo động cấp 4, tổ chức di tản.

2. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn vùng hạ du

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông tin theo các mức báo động cho các địa phương vùng hạ du biết về tình hình công trình và mưa lũ, đề chủ động đề phòng, triển khai các phương án phòng tránh và di tản khi có yêu cầu.

3. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du

a) Các xã: Bình Minh, Bắc Sơn, Hồ Nai 3, Sông Trầu, huyện Trảng Bom và các xã: Tân An, Thiện Tân, Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu: độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo suối hạ lưu hồ Sông Mây từ 2,86 m đến 5,63 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 2.969,8 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu > 4,0 m;

b) Độ sâu ngập lụt, diện tích ngập lụt theo từng cấp độ sâu chi tiết tại Bảng PL2.1, PL2.6 của Phụ lục 2.

4. Công tác vận hành hồ chứa

Thực hiện vận hành theo phương án phòng chống thiên tai được phê duyệt.

5. Thống kê các đối tượng, mức độ bị ảnh hưởng

a) Số hộ bị ngập lụt: Có khoảng 7.187 hộ dân bị ngập.

b) Hướng di chuyển, nơi di chuyển đến, phương tiện di chuyển của các xã: Bình Minh, Bắc Sơn, Hồ Nai 3, Tân An, Thiện Tân, Vĩnh Tân cụ thể Bảng PL3.5 và Hình PL3.5 của Phụ lục 3.

6. Phương án huy động nhân lực, phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư: Chi tiết tại Phụ lục 4.

Điều 9. Danh bạ điện thoại và các hình thức liên lạc khác giữa chủ sở hữu hồ chứa; tổ chức khai thác hồ chứa; chính quyền và các cơ quan chức năng của địa phương; các cơ quan khác có liên quan đến vận hành an toàn hồ chứa

1. Danh bạ điện thoại liên lạc khẩn cấp bao gồm tất cả các tổ chức tham gia vào Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp, thuộc mỗi cơ quan, tổ chức hoặc văn phòng của đơn vị giữ Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp. Chủ tịch hoặc trưởng đại diện của tổ chức, cơ quan và văn phòng của người giữ Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp, phân công cán bộ hành động sẵn sàng cho các trường hợp khẩn cấp khác nhau đảm bảo liên lạc nhanh trong các trường hợp khẩn cấp.

2. Các cơ quan, tổ chức hoặc văn phòng giữ Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp chịu trách nhiệm về chuẩn bị danh bạ điện thoại liên lạc khẩn cấp cho tổ chức, cơ quan hoặc văn phòng nơi làm việc.

3. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm thu thập thông tin liên lạc và tổng hợp vào danh bạ điện thoại liên lạc khẩn cấp của cơ quan, tổ chức hoặc văn phòng giữ Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp.

Bảng 2-1: Danh bạ điện thoại các tổ chức nắm giữ kế hoạch chuẩn bị trong tình huống khẩn cấp

STT	Các tổ chức nắm giữ Kế hoạch chuẩn bị trong tình huống khẩn cấp	Số điện thoại
I	Cơ quan cấp tỉnh	
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	02513.822.501
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	02513.825.771
3	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai	02513.822.993
4	Công an tỉnh Đồng Nai	02518.820.999

STT	Các tổ chức nắm giữ Kế hoạch chuẩn bị trong tình huống khẩn cấp	Số điện thoại
5	Sở Thông tin và Truyền thông	02513.810.269
6	Đài Khí tượng thủy văn Đồng Nai	02513.894.050
II	Cơ quan cấp huyện	
II.1	Huyện Trảng Bom	
7	Ủy ban nhân dân huyện	02513.866.271
8	Ban Chỉ huy quân sự huyện	02513.866.273
9	Công an huyện	02513.866.234
10	Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế	02513.921.560
12	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	02513.844.278
13	Phòng Tài chính kế hoạch	02513.866.254
14	Phòng Quản lý đô thị	0908.460.282
15	Phòng Giáo dục và Đào tạo	02513.866.274
16	Phòng Tài nguyên và Môi trường	02513.866.859
17	Trung tâm Y tế	02513.866.272
18	Phòng Văn hóa thông tin	0912.861.719
19	Trung tâm Viễn thông huyện	02513.675.676
20	Đài truyền thanh huyện	02513.866.243
II.2	Huyện Vĩnh Cửu	
21	Ủy ban nhân dân huyện	02513.861.114
22	Ban Chỉ huy quân sự huyện	02513.861.130
23	Công an huyện	02513.860.243
24	Phòng Nông nghiệp và PTNT/ Kinh tế	0978.109.990
26	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	0907.301.404
27	Phòng Tài chính kế hoạch	0918.142.549
28	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	0838.448.109
29	Phòng Giáo dục và Đào tạo	0909.794.720
30	Phòng Tài nguyên và Môi trường	0973.677.515
31	Trung tâm Y tế huyện	0911.615.076
32	Phòng Văn hóa thông tin	0908.879.715
33	Trung tâm Viễn thông huyện	02513.861.000
34	Đài truyền thanh huyện	02513.865.097
III	Cơ quan cấp xã	

STT	Các tổ chức nắm giữ Kế hoạch chuẩn bị trong tình huống khẩn cấp	Số điện thoại
35	Ủy ban nhân dân xã Bình Minh, huyện Trảng Bom	02518.971.649
36	Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom	02513.869.726
37	Ủy ban nhân dân xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom	02513.981.390
38	Ủy ban nhân dân xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom	02513.866.505
39	Ủy ban nhân dân xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu	02513.927.137
40	Ủy ban nhân dân xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu	02513.865.038
41	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu	02513.601.784
IV	Đơn vị khác	
42	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai	02516.297.663
43	Trạm KTCT TL Biên Hòa - Thống Nhất - Vĩnh Cửu - Trảng Bom	02516.273.763

Điều 10. Quy định phương thức thông tin, cảnh báo, báo động đến chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, phòng chống thiên tai và người dân khu vực bị ảnh hưởng

1. Mức độ khẩn cấp được phân loại tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8 và được Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai căn cứ vào giám sát hiện trường, theo dõi khí tượng thủy văn để xác định được mức độ khẩn cấp, từ đó đưa ra được các hành động ứng phó phù hợp với các mức khẩn cấp từ 1 đến 4.

2. Mức độ khẩn cấp được phân loại theo tính nghiêm trọng và cấp bách. Hệ thống phân loại khẩn cấp là một phương tiện để phân loại các sự kiện khẩn cấp theo thời gian khác nhau xảy ra và với những mức độ khác nhau về sự nghiêm trọng. Hệ thống phân loại cho thấy tính cấp bách của điều kiện khẩn cấp, gồm 4 cấp độ khẩn cấp như sau:

a) Báo động cấp 1 (Đề phòng): Là khi không có nguy hiểm về một sự cố đập, lũ xảy ra chưa ảnh hưởng khu vực hạ lưu. Trường hợp này, đơn vị quản lý vận hành hồ chứa nước Sông Mỹ có thể giải quyết một cách nội bộ và công bố báo động cấp 1 cho Ban chỉ huy phòng chống thiên tai hồ chứa nước Sông Mỹ và tỉnh Đồng Nai.

b) Báo động cấp 2 (Sẵn sàng): Tình trạng báo động cấp 1 tiếp tục phát triển, tốc độ phát triển nhanh. Nó xảy ra chỉ khi vẫn còn thời gian để phân tích, các quyết định được đưa ra thêm nhằm khắc phục sự cố. Trường hợp này, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai hồ chứa nước Sông Mỹ thông báo cho Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh để quyết định mức báo động cấp 2 và xin hỗ trợ.

c) Báo động cấp 3 (Hành động khẩn cấp): Tình trạng báo động 2 tiếp tục phát triển, đó là khi "Ít thời gian" để phân tích, quyết định nhằm giảm thiểu trước khi hạ lưu đập bị ảnh hưởng. Đập bị đe dọa nghiêm trọng. Điều kiện này được công bố khi vẫn còn thời gian để cố gắng ngăn chặn sự cố xảy ra bằng các biện pháp khắc phục. Trường hợp này thông báo cho Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm

kiểm cứu nạn tỉnh để quyết định mức báo động cấp 3, xin hỗ trợ thêm lực lượng. Chuẩn bị di tản.

d) Báo động cấp 4 (Vỡ đập hoặc lũ lớn và sơ tán): lũ thiết kế đang xảy ra, hoặc đập sẽ xảy ra vỡ trong vòng vài giờ tới hay là trong vài ngày tới. Đó là khi "hết thời gian" để phân tích. Lũ lụt sẽ xảy ra ở khu vực hạ lưu. Thông báo cho Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai để quyết định mức báo động cấp 4. Tổ chức di tản.

2. Khi có báo động Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai phải thông báo cho các tổ chức cá nhân ứng với mỗi cấp độ báo động được mô tả như bảng Bảng 2-2.

Bảng 2-2: Danh sách được thông báo ứng với mỗi cấp độ báo động

STT	Các tổ chức được thông báo	Cấp báo động			
		1	2	3	4
I	Cơ quan cấp tỉnh				
1	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Đồng Nai	+	+	+	+
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	+	+	+	+
3	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai			+	+
4	Công an tỉnh Đồng Nai			+	+
5	Sở Thông tin và Truyền thông	+	+	+	+
6	Đài Khí tượng thủy văn Đồng Nai	+	+	+	+
II	Cơ quan cấp huyện				
7	Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu	+	+	+	+
8	Ban Chỉ huy quân sự huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu		+	+	+
9	Công an huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu		+	+	+
10	Phòng kinh tế/ Nông nghiệp và PTNT huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu		+	+	+
11	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu		+	+	+
12	Phòng Tài chính kế hoạch huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu		+	+	+
13	Phòng Quản lý đô thị huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu		+	+	+
14	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu		+	+	+
15	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu		+	+	+
16	Trung tâm Y tế huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu		+	+	+
17	Phòng Văn hóa thông tin huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu	+	+	+	+
18	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh		+	+	+
19	Trung tâm Viễn thông huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu	+	+	+	+

STT	Các tổ chức được thông báo	Cấp báo động			
		1	2	3	4
20	Đài truyền thanh huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu	+	+	+	+
21	Bệnh viện Đa khoa khu vực huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu		+	+	+
III	Cơ quan cấp xã				
22	Ủy ban nhân dân xã Bình Minh huyện Trảng Bom, Ban chỉ huy PCTT&TKCN xã	+	+	+	+
23	Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn huyện Trảng Bom, Ban chỉ huy PCTT&TKCN xã	+	+	+	+
24	Ủy ban nhân dân xã Hố Nai 3 huyện Trảng Bom, Ban chỉ huy PCTT&TKCN xã	+	+	+	+
25	Ủy ban nhân dân xã Sông Trầu huyện Trảng Bom, Ban chỉ huy PCTT&TKCN xã	+	+	+	+
26	Ủy ban nhân dân xã Tân An huyện Vĩnh Cửu, Ban chỉ huy PCTT&TKCN xã	+	+	+	+
27	Ủy ban nhân dân xã Thiện Tân huyện Vĩnh Cửu, Ban chỉ huy PCTT&TKCN xã				
28	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tân huyện Vĩnh Cửu, Ban chỉ huy PCTT&TKCN xã	+	+	+	+

a) Đối với cấp báo động 1: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai phải thực hiện thông báo theo sơ đồ báo cáo đối với mức báo động cấp 1 (dề phòng) tại Sơ đồ 5.1 của Phụ lục 5.

b) Đối với cấp báo động 2: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai phải thực hiện thông báo theo sơ đồ báo cáo đối với mức báo động cấp 2 (sẵn sàng) tại Sơ đồ 5.2 của Phụ lục 5.

c) Đối với cấp báo động 3: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai phải thực hiện thông báo theo sơ đồ báo cáo đối với mức báo động cấp 3 (hành động khẩn cấp) tại Sơ đồ 5.3 của Phụ lục 5.

d) Đối với cấp báo động 4: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai phải thực hiện thông báo theo sơ đồ báo cáo đối với mức báo động cấp 4 (vỡ đập hoặc lũ lớn và phương án di tản) tại Sơ đồ 5.4 của Phụ lục 5.

3. Phương tiện thông báo: Điện thoại, vô tuyến điện, đài phát thanh, truyền hình, thư, email, còi, loa, kêng vv ... sao cho phù hợp với tình hình hiện tại của khu vực nhiên cứu và có sự thống nhất với địa phương.

4. Thời gian thông tin, cảnh báo sớm, báo động đến chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, phòng chống thiên tai và người dân khu vực bị ảnh hưởng ứng với từng cấp báo động để triển khai công tác ứng phó tuân thủ theo các Điều 14, 15 và 16 của Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/04/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai. Cụ thể như sau:

a) Đối với cấp báo động 1: Ban hành mỗi ngày 02 bản tin cảnh báo vào lúc 9 giờ 00 và 15 giờ 30.

b) Đối với cấp báo động 2, 3, 4: Ban hành tin cảnh báo ngay sau khi mức báo động cấp 2, 3, 4 được Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh quyết định; tin cảnh báo có thể được ban hành độc lập hoặc lồng ghép vào tin cảnh báo lũ, tin lũ, tin lũ khẩn cấp.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN CHỦ QUẢN LÝ, TỔ CHỨC KHAI THÁC HỒ CHỨA, CHÍNH QUYỀN CÁC CẤP, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 11. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi

1. Chủ động chuẩn bị đầy đủ nhân lực, phương tiện, kinh phí theo trách nhiệm của đơn vị để triển khai thực hiện phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Sông Mây.

2. Thường xuyên tổ chức kiểm tra đánh giá hiện trạng công trình, các hạng mục công trình; kịp thời sửa chữa các hạng mục công trình bị hư hỏng; thường xuyên duy tu, bảo dưỡng công trình theo các quy trình hiện hành.

3. Bố trí cơ sở làm việc cho Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn ở vị trí thuận tiện tại công trình để điều hành chỉ huy trong tình huống khẩn cấp.

4. Phối hợp chặt chẽ với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Đồng Nai thực hiện công tác dự báo thủy văn cho công trình.

5. Trong tình huống khẩn cấp, vận hành công trình theo quy định và kịp thời bố trí lực lượng của đơn vị cùng tham gia ứng phó, hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại cho công trình và vùng hạ du đập.

6. Theo dõi và đánh giá diễn biến tình hình tại công trình. Trong trường hợp có sự cố đe dọa, phải kịp thời đánh giá mức độ nguy hiểm. Trường hợp sự cố xảy ra, trao đổi ngay với Trưởng Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai hồ chứa nước Sông Mây và báo cáo Trưởng Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai để chuyển trạng thái vận hành, từ vận hành bình thường sang vận hành khẩn cấp.

7. Lập các báo cáo về tình huống khẩn cấp.

8. Phối hợp với các lực lượng tại địa phương nhanh chóng giúp đỡ cư dân ở ngay hạ lưu đập sơ tán khẩn cấp theo các kịch bản trong trường hợp lũ lớn hoặc vỡ đập sắp xảy ra.

Điều 12. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai thực hiện phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Sông Mây. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc đơn vị thực hiện các quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước đối với hồ chứa nước Sông Mây theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/ 2018 của Chính phủ.

2. Giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Sông Mây theo thẩm quyền.

Điều 13. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai

Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh chỉ huy, điều động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, điều hành phối hợp hoạt động của các lực lượng vũ trang và các đơn vị chuyên trách, bán chuyên trách tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh trong quá trình ứng phó, xử lý sự cố công trình.

Điều 14. Công an tỉnh Đồng Nai

Chi viện lực lượng công an theo yêu cầu của Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và cứu nạn tỉnh. Chỉ huy lực lượng công an đảm bảo an ninh, trật tự tại khu vực ứng phó, xảy ra sự cố công trình; phân luồng, phân tuyến giao thông, khi xảy ra ngập lụt gây ách tắc giao thông; phối hợp lực lượng quân đội thực hiện công tác cứu hộ, cứu nạn.

Điều 15. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Đảm bảo thông tin liên lạc giữa các thành viên của Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Ủy ban nhân dân các cấp, Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai và các ngành, đơn vị tham gia ứng phó tình huống khẩn cấp;

2. Khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành lệnh sơ tán, Sở thông tin và truyền thông Đồng Nai chỉ đạo Đài Phát thanh Truyền hình Đồng Nai, các đơn vị Viễn thông, các cơ quan Báo, Đài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai kịp thời thông tin đến người dân, tổ chức, doanh nghiệp khu vực bị ảnh hưởng biết và thực hiện lệnh sơ tán theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 16. Sở Xây dựng

1. Trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân huyện về các công trình thuộc khu vực sử dụng làm nơi tránh, trú, Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra hoặc hướng dẫn cho Ủy ban nhân dân huyện kiểm tra theo thẩm quyền về tính an toàn cho công trình trước và sau khi xảy ra các tình huống khẩn cấp để kịp thời có giải pháp đảm bảo an toàn cho công trình và người dân khi tránh, trú;

2. Phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan trong công tác ứng phó tình huống khẩn cấp.

Điều 17. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với Sở ngành, đơn vị công tác ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Sông Mây lĩnh vực Tài nguyên, môi trường. Sau khi sự cố xảy ra tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng môi trường, xác định khu vực bị ô nhiễm để có biện pháp khắc phục, phục hồi môi trường, chất lượng nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

2. Phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam bộ và Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Đồng Nai thực hiện các quy định về quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai kịp thời ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Sông Mây.

Điều 18. Sở Công Thương

1. Đảm bảo cấp điện thực hiện ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Sông Mỹ;

2. Điều tiết nhiên liệu, hàng hóa, lương thực, thực phẩm thiết yếu để cung ứng, phục vụ công tác ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Sông Mỹ.

Điều 19. Sở Giao thông vận tải

1. Tổ chức kiểm tra các tuyến đường di tản theo phương án ứng phó, trước và sau khi xảy ra các tình huống khẩn cấp kịp thời duy tu, sửa chữa để phục vụ di tản người dân, tài sản đến nơi an toàn.

2. Chỉ huy việc huy động các lực lượng, phương tiện giao thông vận tải đường thủy, đường bộ trong công tác tham gia cứu hộ, cứu nạn, di dời khi xảy ra sự cố công trình;

3. Phối hợp Công an tỉnh chỉ huy phân luồng, phân tuyến, điều tiết giao thông khi xảy ra ách tắc giao thông phục vụ công tác ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Sông Mỹ.

Điều 20. Sở Y tế

Chỉ đạo hệ thống bệnh viện, cơ sở y tế tổ chức lực lượng, phương tiện, thiết bị y tế, chuẩn bị đầy đủ cơ sở thuốc và dụng cụ y tế để cấp cứu và cứu trợ khẩn cấp những khu vực ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Sông Mỹ, phòng ngừa dịch bệnh, khắc phục hậu quả sau sự cố.

Điều 21. Sở Giáo dục và Đào tạo

Tổ chức điều hành ứng phó với tình huống khẩn cấp, sự cố ảnh hưởng đến trường học; tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho học sinh, sinh viên những kiến thức cơ bản về phòng, tránh, ứng phó tình huống khẩn cấp nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh. Tổ chức cho học sinh tại khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng nghỉ học, khi có lệnh báo động.

Điều 22. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội

Tổ chức thực hiện công tác cứu trợ, khắc phục hậu quả cho người dân, đề xuất giải quyết các vấn đề chính sách xã hội ở các địa phương bị ảnh hưởng do sự cố công trình gây ra.

Điều 23. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh Đoàn

1. Chủ trì công tác vận động nhân dân đóng góp cứu trợ: Hàng hóa, tiền, lương thực, thực phẩm, nước uống..., để kịp thời hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả do sự cố công trình gây ra.

2. Phối hợp huy động lực lượng tham gia ứng phó tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Sông Mỹ.

Điều 24. Đài Khí tượng Thủy văn Đồng Nai

Thông báo thường xuyên, kịp thời về tình hình khí tượng thủy văn nguy hiểm

và khi xảy ra tình huống khẩn cấp tại công trình hồ chứa nước Sông Mây cho các thành viên Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, các địa phương liên quan.

Điều 25. Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai

Chủ trì đảm bảo an toàn mạng lưới điện, nguồn điện, trạm biến áp, khắc phục sự cố đảm bảo nguồn điện cung cấp đầy đủ, ưu tiên cho các cơ quan chỉ đạo, chỉ huy, dự báo, cảnh báo, ứng phó với tình huống khẩn cấp; hướng dẫn người dân sử dụng điện an toàn khi xảy ra sự cố công trình.

Điều 26. Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai

Khi nhận được thông báo lệnh sơ tán, lệnh báo động của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện, Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai, Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai phát đi thông tin cảnh báo, báo động, sơ tán cho người dân ở hạ lưu đập biết để chuẩn bị sẵn sàng sơ tán.

Điều 27. Ủy ban nhân dân các huyện: Trảng Bom, Vĩnh Cửu

1. Tổ chức lực lượng cứu hộ, cứu nạn và các phương tiện vận tải để hỗ trợ người dân trong quá trình sơ tán khi xảy ra mức báo động 3 hoặc 4.

2. Thông báo, bố trí nhân lực và hướng dẫn người dân ở khu vực hạ lưu sơ tán đến nơi an toàn khi Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh công bố đến nơi an toàn, mức báo động 3 và 4.

3. Chủ động chuẩn bị công tác hậu cần để sẵn sàng ứng phó với tính huống khẩn cấp, phối hợp thực hiện công tác đảm bảo an toàn cho đập.

4. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các công việc dọn dẹp và khắc phục hậu quả sau thiên tai.

5. Rà soát các công trình thuộc khu vực sử dụng làm nơi tránh, trú để chủ động kiểm tra hoặc đề xuất Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra theo thẩm quyền nhằm đảm bảo an toàn cho công trình và người dân khi tránh, trú trước và sau khi xảy ra các tình huống khẩn cấp.

Điều 28. Ủy ban nhân dân các xã Bình Minh, Bắc Sơn, Hố Nai 3, Sông Trầu (huyện Trảng Bom) và các xã Tân An, Thiện Tân, Vĩnh Tân (huyện Vĩnh Cửu)

1. Tổ chức và sơ tán người dân trong địa bàn xã đến nơi an toàn.

2. Thống kê tình hình thiệt hại, tổng hợp và báo cáo nhanh về Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện.

3. Huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ giúp đỡ người dân nhanh chóng khắc phục thiệt hại về tài sản, sản xuất nông nghiệp; phối hợp khắc phục, sửa chữa các công trình hạ tầng, nhà cửa, đường xá,... đặc biệt là công trình thủy lợi bị hư hỏng để đưa vào vận hành phục vụ sản xuất.

Phụ lục I

(Kèm theo Quyết định số: 758/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)



Chương I

KHAI QUÁT VỀ ĐỊA HÌNH, KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN (LƯỢNG MƯA, MÙA MƯA, LƯU LƯỢNG LŨ LỚN NHẤT...), THẨM THỰC VẬT LƯU VỰC HỒ CHỨA THEO THIẾT KẾ; CÁC HÌNH THÁI THIÊN TAI CÓ THỂ XẢY RA TRONG LƯU VỰC HỒ CHỨA

1. Đặc điểm địa hình.

Vùng nghiên cứu có địa hình thấp dần theo hướng Đông Tây, cao độ trung bình khoảng 67 m, nơi cao nhất là 405 m thuộc vùng đồi núi ở H.Thống Nhất. Diện tích có cao độ <5 m chỉ chiếm 0,41% (116 ha). Diện tích với cao độ <50 m khoảng 11,2 ngàn ha (40%), từ 50-100 m là 11,7 ngàn ha (41,5%) và diện tích ứng với cao độ lớn hơn 100 m chiếm 18,5% (trong đó 0,2% diện tích có cao độ trên 300 m).

Bảng 1.1: Cao độ địa hình khu vực nghiên cứu

Cao độ (m)	Diện tích cộng dồn (ha)	Tỷ lệ (%)
<5	116	0,41
5-10	2.567	9,14
10-15	3.757	13,38
15-20	4.565	16,26
20-30	6.298	22,43
30-40	8.183	29,14
40-50	11.263	40,11
50-100	22.912	81,60
100-200	27.386	97,54
200-250	27.882	99,30
250-300	28.014	99,77
300-350	28.055	99,92
350-400	28.075	99,99
>400	28.078	100,00

Khoảng 95% diện tích lưu vực có độ dốc nhỏ hơn 8o cho thấy địa hình lưu vực sông nhìn chung khá bằng phẳng thuận lợi cho việc canh tác. Tuy nhiên, do địa hình bằng phẳng nên khi xảy ra lũ thì thời gian ngập thường kéo dài do khả năng tiêu thoát kém.

Bảng 1.2: Độ dốc địa hình khu vực nghiên cứu

Độ dốc (độ)	Diện tích cộng dồn (ha)	Tỷ lệ (%)
0-3	22.844	81,36
3-8	26.663	94,96
8-15	27.826	99,10
15-30	28.065	99,96
>30	28.078	100,00

2. Khí tượng thủy văn (lượng mưa, mùa mưa, lưu lượng lũ lớn nhất ...)

a) Đặc điểm khí hậu

Lưu vực hồ Sông Mây nằm trong khu vực Đông Nam Bộ mang đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa: Nóng ẩm và mưa nhiều, hàng năm khí hậu phân hóa thành 2 mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô.

- Mùa mưa từ tháng V đến tháng X: Ảnh hưởng chủ yếu là gió mùa Tây Nam mang nhiều hơi ẩm gây ra mưa nhiều. Lượng mưa mùa này chiếm tỷ lệ 85 - 90% lượng mưa cả năm. Đây cũng là thời kỳ có những đợt mưa lớn do hoạt động của các dải hội tụ nhiệt đới, các vùng khí áp thấp và ảnh hưởng của bão Biển Đông.

- Mùa khô từ tháng XI đến tháng IV năm sau, chịu sự chi phối của gió mùa Đông khô, hanh. Lượng mưa trong mùa này chỉ chiếm 10 - 15% lượng mưa cả năm. Thời tiết trong mùa này chủ yếu là nắng nóng, nhất là các tháng cuối mùa (tháng III, IV).

b) Mưa năm trên lưu vực

Lượng mưa bình quân lưu vực được xác định thông qua tài liệu nhiều năm trạm Thống Nhất (Trảng Bom), trạm Biên Hòa và kết hợp với bản đồ đẳng trị mưa BQNN toàn quốc do Viện KTTV xây dựng.

- Theo kết quả tính toán từ chuỗi số liệu mưa giai đoạn 1978-2020, lượng mưa năm BQNN trạm Thống Nhất là $X_o = 1.962 \text{ mm}$.

- Trên bản đồ đẳng trị mưa, lưu vực hồ Sông Mây ở vị trí có giá trị lượng mưa BQNN khoảng 1950 đến 2000mm.

Để an toàn, đề nghị lựa chọn lượng mưa năm BQNN của lưu vực Sông Mây là: $X_o = 1.900 \text{ mm}$.

Phân phối mưa trong năm áp dụng theo phân phối trạm Thống Nhất. Mô hình mưa năm BQNN cho lưu vực Sông Mây như sau:

Bảng 1.3: Lượng mưa bình quân lưu vực, đơn vị: mm

Đặc trung	Tháng												Năm
	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
X _{bq}	8,5	8,1	24,1	74,8	196,1	253,1	293,4	301,5	331,0	272,6	107,3	29,7	1900,0

Lượng mưa năm thiết kế được xác định thông qua bộ thông số thống kê lượng mưa năm của trạm Thống Nhất và xác định được mô hình mưa năm ứng với các tần suất thiết kế như bảng sau:

Bảng 1.4: Phân phối mưa năm thiết kế trên lưu vực hồ Sông Mây, đơn vị: mm

Đặc trung	Tháng												Năm
	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
X75%	0,0	0,0	0,0	3,9	171,5	127,2	341,6	287,5	327,4	229,5	225,1	0,0	1713,7
X85%	0,0	0,0	0,0	3,6	160,6	119,1	319,8	269,2	306,6	214,9	210,8	0,0	1604,5

c) Mưa gây lũ trên lưu vực

Hàng năm, các tháng VIII, IX, X thường xuất hiện những trận mưa lớn, kéo dài 1-2 ngày, có khi hơn, sinh ra lũ trên lưu vực.

Đối với các lưu vực thuộc loại nhỏ như lưu vực hồ Sông Mây, lưu lượng đỉnh lũ phụ thuộc chủ yếu vào lượng mưa một ngày lớn nhất. Còn lượng mưa toàn trận và phân bố của trận mưa sau khi được lưu vực điều tiết sẽ tạo ra tổng lượng lũ và dạng đường quá trình lũ.

Do đó, việc xác định lượng mưa thời đoạn ngắn là rất cần thiết để tính toán lũ trên lưu vực.

Từ tài liệu thực đo nhiều năm, tính toán thống kê theo phương pháp đường thích hợp lượng mưa 1 ngày lớn nhất (X_{1max}) tại trạm Thống Nhất, xác định được lượng mưa gây lũ trên lưu vực như bảng sau:

Bảng 1.5: Lượng mưa ứng với các tần suất trên lưu vực hồ Sông Mây, đơn vị: mm

Lưu vực	P=0,5%	P=1%	P=1,5%	P=2%	P=5%	P=10%
Hồ Sông Mây	314,7	277,7	256,6	241,8	195,9	162,7

Bảng 1.6: Lượng mưa gây lũ trên lưu vực trong điều kiện BĐKH kịch bản RCP 8.5

Tần suất	P=0,5%	P=1%	P=1,5%	P=2%	P=5%	P=10%
X_{1max}	375,1	331,0	305,8	288,2	233,5	193,9

d) Dòng chảy lũ đến lưu vực hồ chứa nước Sông Mây

Lưu vực nghiên cứu có diện tích nhỏ ($F = 41,0 \text{ km}^2$). Theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 13615:2022 sử dụng công thức Cường độ giới hạn để tính lưu lượng lớn nhất cho lưu vực có diện tích nhỏ hơn 100 km^2 . Kết quả tính toán dòng chảy lũ như sau:

Bảng 1.7: Lưu lượng đỉnh lũ thiết kế hồ Sông Mây, (đơn vị: m^3/s)

Lưu vực	$Q_{maxp} (\text{m}^3/\text{s})$					
	0,5%	1,0%	1,5%	2,0%	5%	10%
Hồ Sông Mây	336	292	270	249	209	174

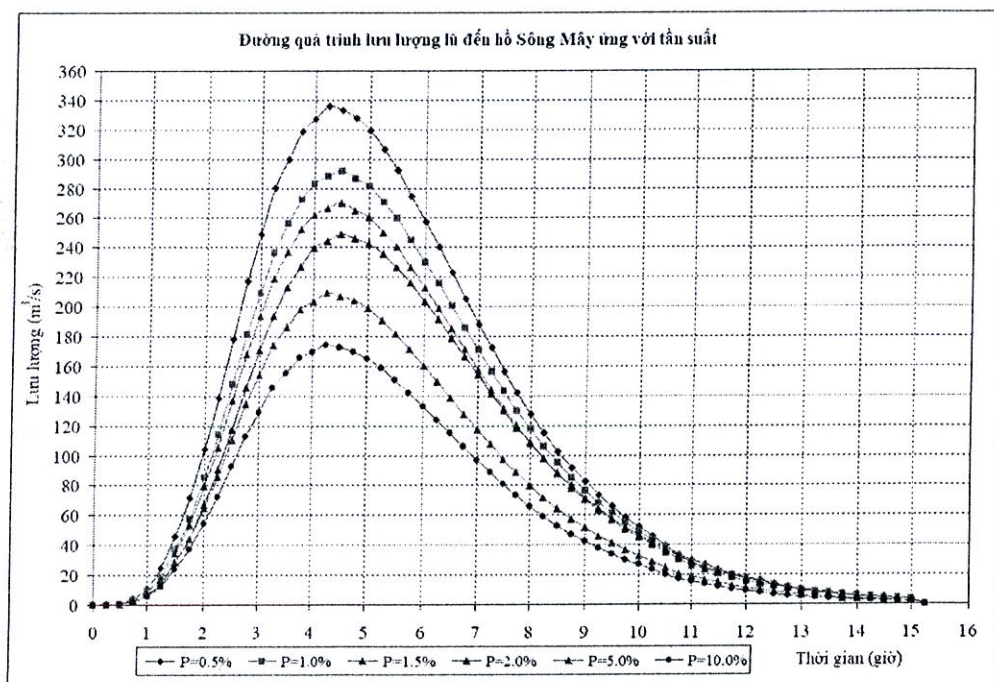
Bảng 1.8: Tổng lượng lũ thiết kế hồ Sông Mây, (đơn vị: 10^6 m^3)

Lưu vực	$W (10^6 \text{ m}^3)$					
	0,5%	1,0%	1,5%	2,0%	5%	10%
Hồ Sông Mây	5,802	5,225	4,926	4,628	3,885	3,234

Bảng 1.9: Quá trình lũ đến hồ chứa nước Sông Mây ứng với các tần suất thiết kế theo kết quả Cường độ giới hạn, (đơn vị: m³/s)

Thời gian (giờ)	P=0,5%	P=1,0%	P=1,5%	P=2,0%	P=5,0%	P=10,0%
0,00	0	0	0	0	0	0
0,25	0	0	0	0	0	0
0,50	1	1	1	1	1	0
0,75	5	4	3	2	3	3
1,00	11	9	8	7	7	6
1,25	25	19	17	13	15	13
1,50	46	37	35	28	29	24
1,75	71	57	53	44	44	37
2,00	105	86	79	67	65	54
2,25	139	114	106	91	86	72
2,50	178	148	137	118	111	93
2,75	217	181	168	146	135	113
3,00	249	209	194	171	154	129
3,25	280	236	219	194	174	146
3,50	300	256	237	213	186	156
3,75	319	272	252	227	198	165
4,00	328	283	262	239	204	170
4,25	336	288	267	244	209	174
4,50	333	292	270	249	207	172
4,75	328	287	265	246	204	170
5,00	319	281	260	243	199	165
5,25	307	271	250	236	191	159
5,50	292	260	240	226	182	151
5,75	275	245	226	216	171	142
6,00	257	230	213	204	160	133
6,25	240	215	199	191	150	124
6,50	223	200	185	179	139	115
6,75	205	186	171	166	128	106
7,00	188	171	158	154	117	97
7,25	172	157	145	142	107	89
7,50	157	143	132	130	98	81
7,75	142	130	120	119	89	73
8,00	128	118	109	108	80	66
8,25	115	106	98	98	72	59
8,50	102	95	88	89	64	53
8,75	92	85	78	80	57	47
9,00	82	77	71	71	51	42
9,25	74	68	63	64	46	38
9,50	66	61	57	57	41	34
9,75	58	55	50	52	36	30
10,00	52	49	45	46	33	27
10,25	46	44	40	41	29	23
10,50	39	38	35	37	25	20
10,75	33	33	30	32	21	17
11,00	30	28	26	28	19	15

Thời gian (giờ)	P=0,5%	P=1,0%	P=1,5%	P=2,0%	P=5,0%	P=10,0%
11,25	27	25	23	24	17	14
11,50	23	23	21	22	15	12
11,75	20	20	18	19	13	10
12,00	18	17	16	17	11	9
12,25	16	15	14	15	10	8
12,50	14	13	12	13	9	7
12,75	12	12	11	12	7	6
13,00	10	10	9	10	6	5
13,25	9	9	8	9	6	5
13,50	8	8	7	8	5	4
13,75	7	7	6	7	4	3
14,00	6	6	5	6	4	3
14,25	5	5	5	5	3	3
14,50	5	5	4	4	3	2
14,75	4	4	4	4	3	2
15,00	3	3	3	4	2	2
15,25	0	0	0	0	0	0
Max	336	292	270	249	209	174



Hình 3.2: Đường quá trình lũ đến theo các tần suất hồ Sông Mây

3. Các hình thái thiên tai có thể xảy ra trong lưu vực hồ chứa bao gồm: Áp thấp nhiệt đới, bão; Lốc, sét, mưa đá và sương mù; Mưa lớn, lũ và ngập lụt; Sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy; Nắng nóng, hạn hán; Động đất.

Chương II

ĐẶC ĐIỂM VÙNG HẠ DU HỒ CHỨA

1. Địa hình vùng hạ du hồ chứa.

Phạm vi vùng hạ du đập chính hồ chứa nước Sông Mỹ, huyện Trảng Bom, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Suối hồ Sông Mỹ: Từ sau hồ Sông Mỹ đến đường DT767 với chiều dài khoảng 3,7 km;

- Suối sông Thao: Từ vị trí điểm đo lũ lưu vực sông Thao đến đường DT767 với chiều dài khoảng 3,8 km;

- Suối hạ lưu sông Thao Sông Mỹ - Đập Bến Xúc: Từ hợp lưu đường DT767 đến hợp lưu với suối Đập Bến Xúc - Sông Đồng Nai với chiều dài khoảng 6,3 km;

- Suối Đập Bến Xúc - Sông Đồng Nai: Từ vị trí hợp lưu hạ lưu sông Thao Sông Mỹ - Đập bến xúc đến sông Đồng Nai với chiều dài khoảng 12,7 km.

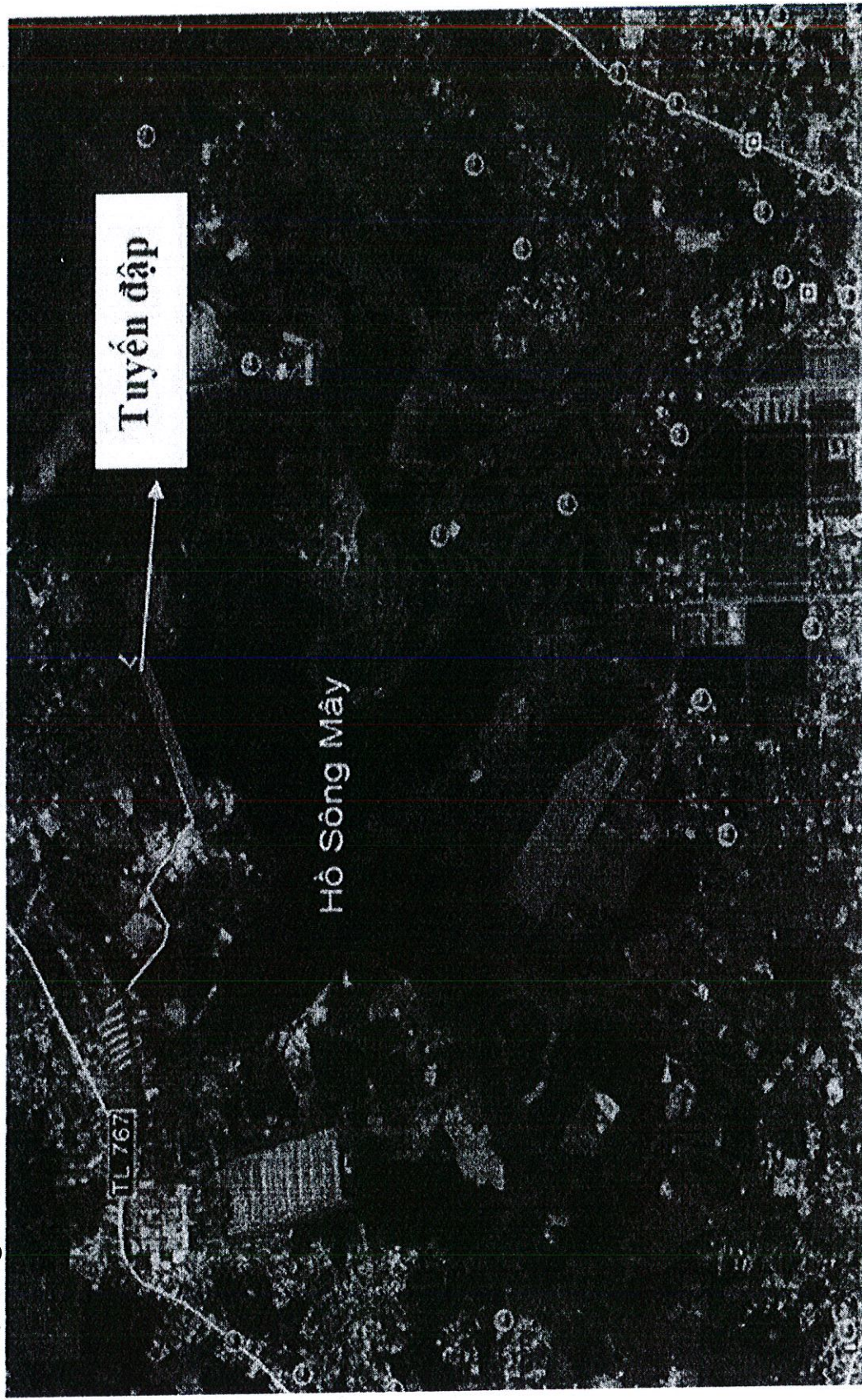
2. Dân cư vùng hạ du hồ chứa.

Trong phạm vi vùng chịu ảnh hưởng của hồ chứa nước Sông Mỹ có khoảng 146.090 hộ dân. Số hộ dân thuộc vùng ảnh hưởng phân bố ở các xã: Bình Minh, Bắc Sơn, Hố Nai 3, Sông Trầu (huyện Trảng Bom), các xã: Tân An, Thiện Tân, Vĩnh Tân (huyện Vĩnh Cửu), trong đó xã Bắc Sơn (huyện Long Thành) tập trung nhiều nhất với khoảng 76.125 hộ.

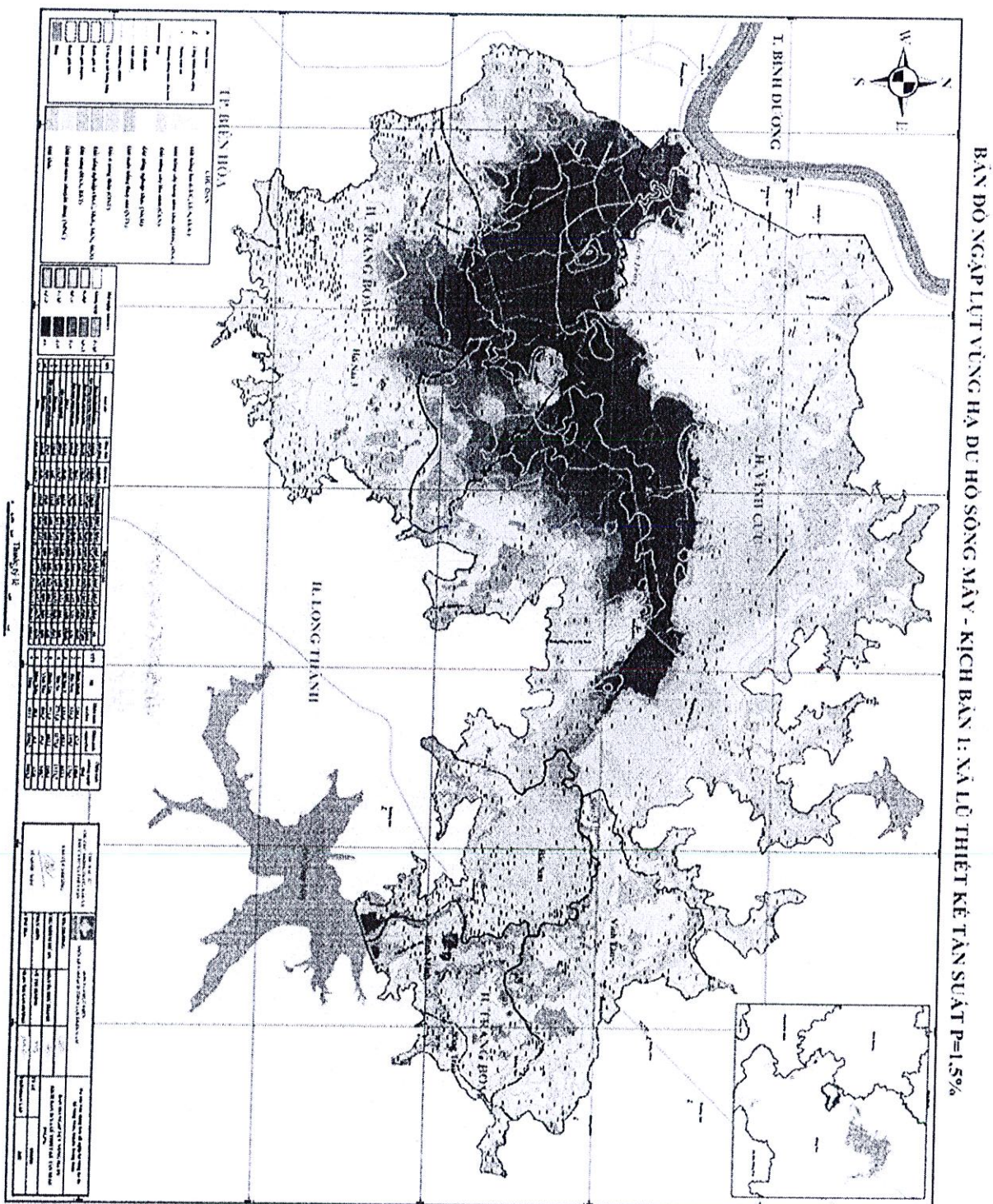
Chương III

SƠ ĐỒ MẶT BẰNG HỒ CHỨA, BẢN ĐỒ NGẬP LỤT VÙNG HẠ DU TRONG TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP HOẶC VỖ ĐẬP THEO CÁC KỊCH BẢN

1. Sơ đồ mặt bằng hồ chứa.

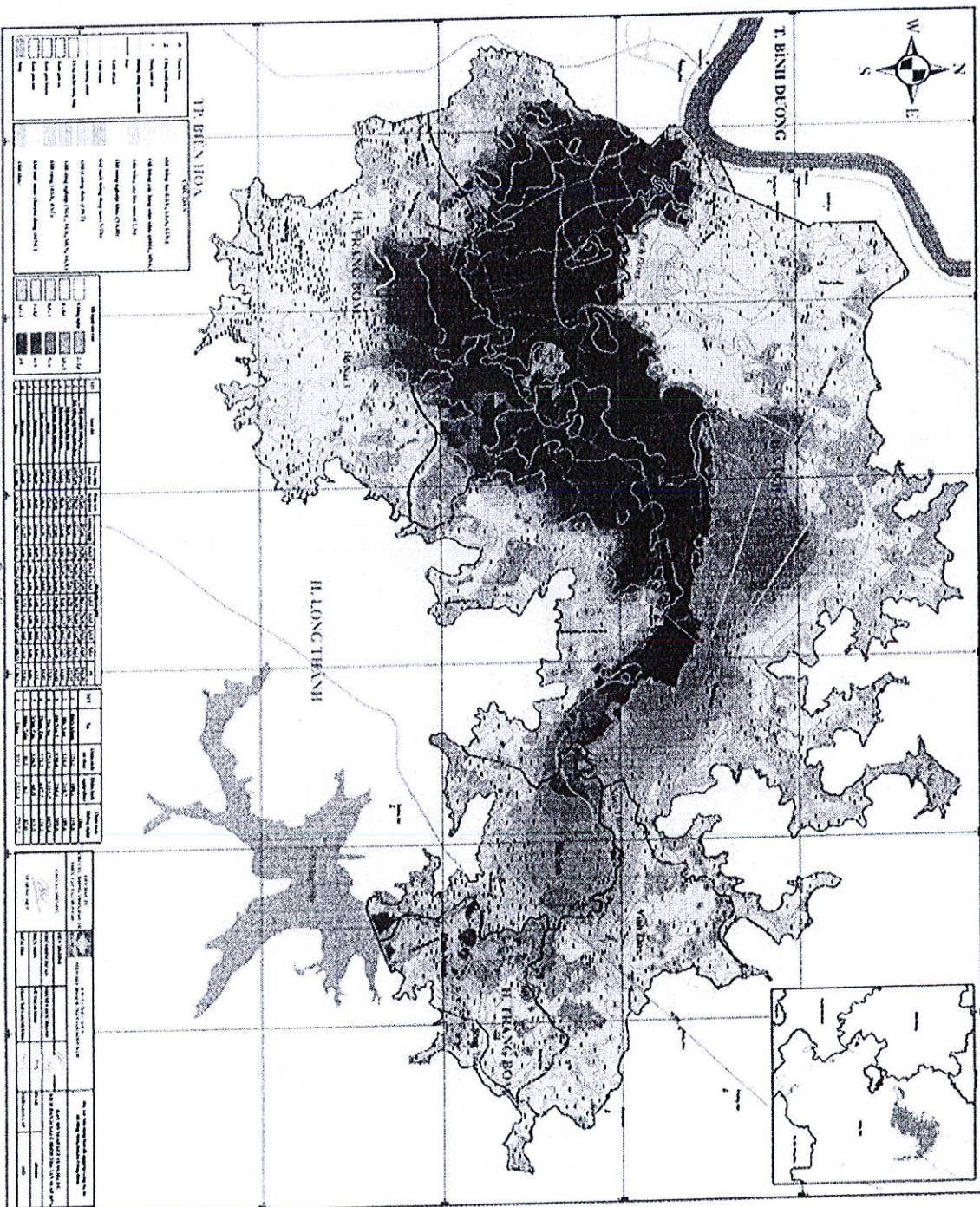


2. Bản đồ ngập lụt kịch bản xả lũ thiết kế tần suất 1,5%.



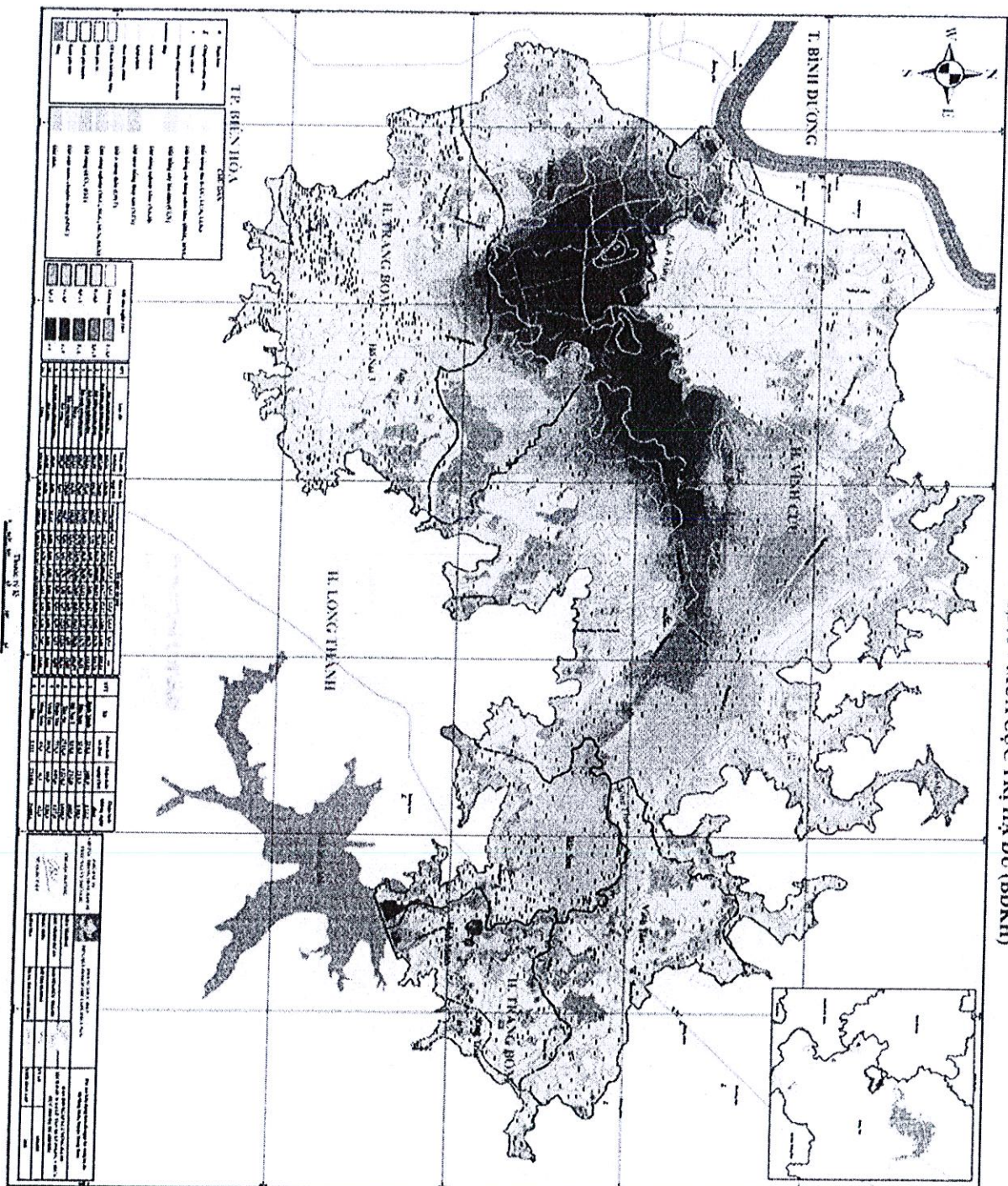
3. Bản đồ ngập lụt kịch bản xả lũ kiểm tra tần suất 0,5%

BẢN ĐỒ NGẬP LỤT VÙNG HẠ DU HỒ SÔNG MÂY- KỊCH BẢN 2: XẢ LŨ KIỂM TRA TẦN SUẤT 0,5%

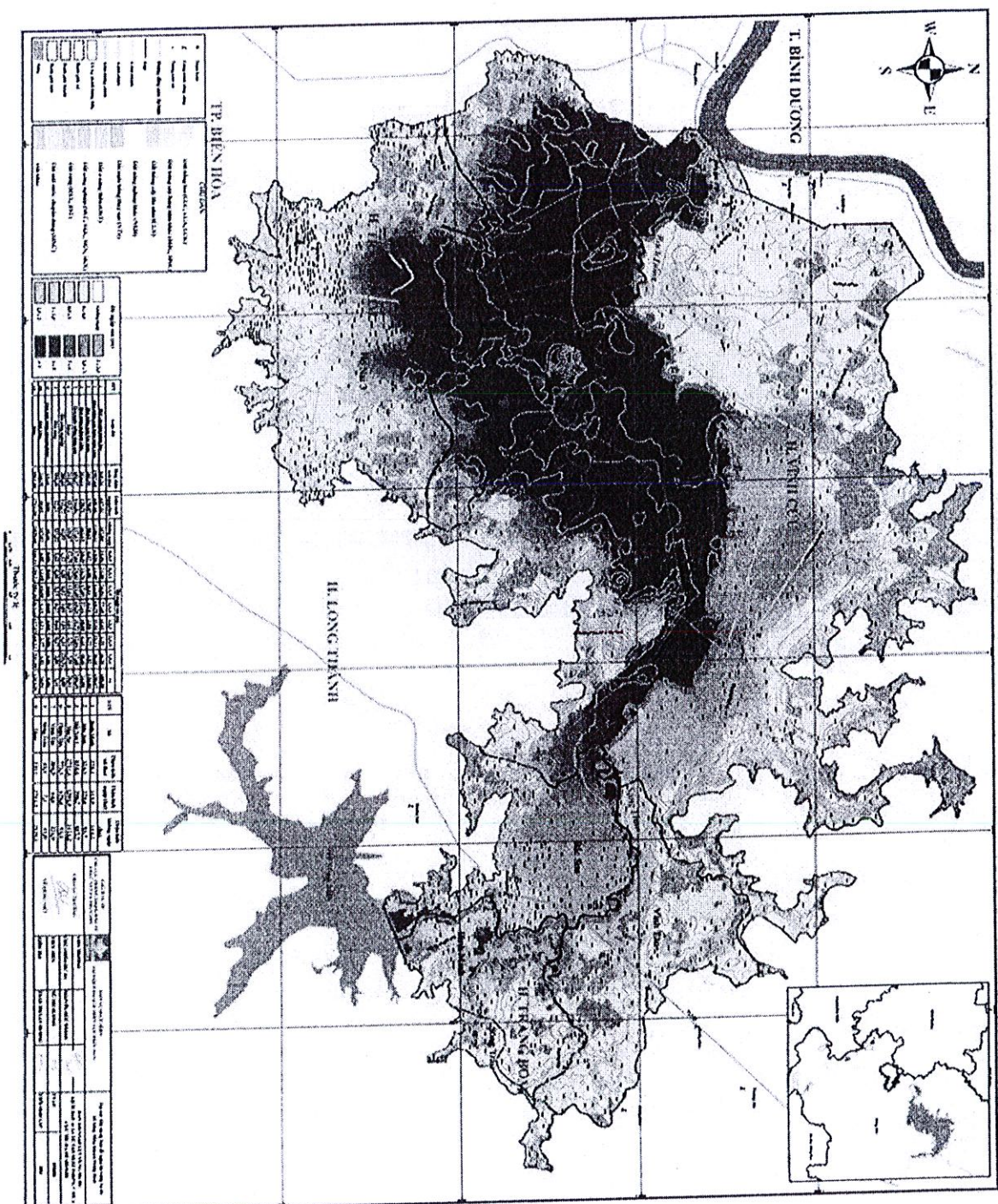


4. Bản đồ ngập lụt kích bản xả lũ thiết kế $P=1.5\%$ + Mưa cực trị hạ dụ (BDKH)

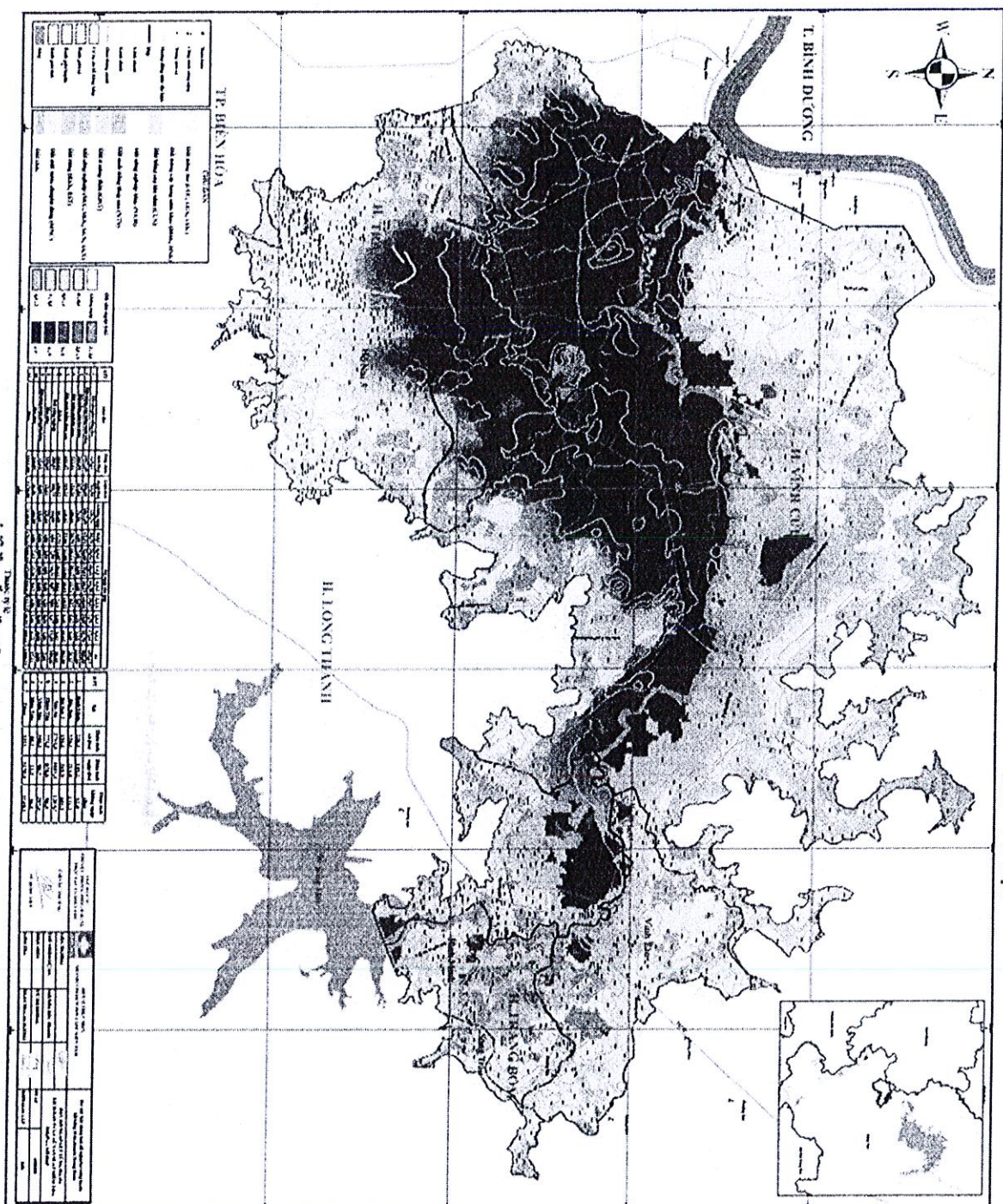
BẢN ĐỒ NGẬP LỤT VÙNG HÀ DƯ HỒ SÔNG MÂY
KÍCH BẢN 3: XẢ LŨ TẬN SUẤT $P=1.5\%$ + MƯA CỰC TRỊ HẠ DƯ (BDKH)



5. Bản đồ ngập lụt kịch bản xả lũ kiểm tra $P=0.5\% +$ Mưa cực trị hạ du (BDKH)
 BẢN ĐỒ NGẬP LỤT VÙNG HẠ DU HỒ SÔNG MÂY
 KỊCH BẢN 4: XẢ LŨ TẦN SUẤT $P=0.5\% +$ MƯA CỰC TRỊ HẠ DU (BDKH)



BẢN ĐỒ NGẬP LỤY VÙNG HẠ DU HỒ SÔNG MÂY
KỊCH BẢN 9: XÃ LŨ TÀN SUẤT KIỂM TRA P=0,5% - VỖ ĐẬP





Phụ lục II

(Kèm theo Quyết định số: 758/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**ĐỘ SÂU NGẬP LỤT, DIỆN TÍCH NGẬP THEO ĐỘ SÂU NGẬP VỚI CÁC
KỊCH BẢN ỨNG PHÓ KHẨN CẤP HỒ SÔNG MÂY**

Bảng PL2.1: Thống kê độ sâu ngập lụt ứng với các kịch bản, đơn vị: m

Điểm	Độ sâu ngập lụt lớn nhất (m)				
	Xả thiết kế P=1.5%	Xả kiểm tra P=0.5%	Xả thiết kế P=1.5%+Mưa cực trị (BĐKH)	Xả thiết kế P=0.5%+Mưa cực trị (BĐKH)	Vỡ đập +P=0.5%
VT-1	1,55	1,70	1,64	1,90	2,86
VT-2	2,25	2,42	2,37	2,62	3,14
VT-3	2,65	2,82	2,78	3,14	4,88
VT-4	3,16	3,35	3,29	3,66	5,14
VT-5	3,32	3,54	3,48	3,89	5,63
VT-6	2,09	2,33	2,25	2,66	3,94

**Bảng PL2.2: Thống kê diện tích ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận
hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,50%**

TT	Độ sâu ngập (m)	Diện tích ngập lụt (ha)							
		Bình Minh	Bắc Sơn	Hồ Nai 3	Sông Trầu	Tân An	Thiện Tân	Vĩnh Tân	Tổng
1	0,0-0,5	19,7	17,3	20,3	1,2	61,7	13	16,6	149,8
2	0,5-1,0	25,4	136,1	16	1,4	209,8	16,2	13	417,9
3	1,0-1,5	10,6	11	9,8	0,7	181,9	16,7	4,7	235,4
4	1,5-2,0	8,7	6,2	13,4	0,7	99,5	17,1	5,1	150,7
5	2,0-2,5	1,9	6,9	14,1	0,1	22,2	13,9	1	60,1
6	2,5-3,0	2,5	2,6	9,1	0,4	21,2	28,8	1,5	66,1
7	3,5-4,0	3,6	1,4	70,8	0,4	48	83,3	1,2	208,7
8	>4,0	15,1	7,9	38,8	1,2	529,2	413,1	2,8	1008,1
Tổng		87.5	189,4	192,3	6,1	1173,5	602,1	45,9	2296,8

**Bảng PL2.3: Thống kê diện tích ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận
hành hồ chứa trong tình huống xả lũ kiểm tra tần suất 0,5%**

TT	Độ sâu ngập (m)	Diện tích ngập lụt (ha)							
		Bình Minh	Bắc Sơn	Hồ Nai 3	Sông Trầu	Tân An	Thiện Tân	Vĩnh Tân	Tổng
1	0,0-0,5	3,4	6,3	24,7	0,9	41,4	12,3	7,5	96,5
2	0,5-1,0	21,7	27,6	14,0	1,4	47,7	8,4	9,5	130,3
3	1,0-1,5	18,3	13,8	22,8	1,0	51,5	14,2	25,6	147,2
4	1,5-2,0	25,4	25,1	17,2	0,8	77,2	9,0	8,0	162,7
5	2,0-2,5	7,6	74,0	12,3	0,1	189,5	9,9	4,1	297,5
6	2,5-3,0	8,8	39,4	12,4	0,4	142,9	15,2	6,2	225,3
7	3,5-4,0	3,9	9,9	27,1	0,4	87,6	46,4	2,7	178,0
8	>4,0	20,0	18,6	114,3	1,2	595,8	531,9	4,5	1286,3
Tổng		109.1	214,7	244,8	6,2	1233,6	647,3	68,1	2523,8

Bảng PL2.4: Thống kê diện tích ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế $P=1,5\% + \text{Mưa cực đoan (BĐKH)}$

TT	Độ sâu ngập (m)	Diện tích ngập lụt (ha)							
		Bình Minh	Bắc Sơn	Hồ Nai 3	Sông Trầu	Tân An	Thiện Tân	Vĩnh Tân	Tổng
1	0,0-0,5	25,5	34,0	21,4	1,2	66,6	14,9	30,7	194,3
2	0,5-1,0	18,7	12,4	22,2	1,4	60,6	10,7	14,8	140,8
3	1,0-1,5	21,7	135,9	21,5	0,7	265,4	14,7	6,2	466,1
4	1,5-2,0	9,7	2,6	11,9	0,7	128,4	8,8	3,2	165,3
5	2,0-2,5	5,9	5,3	15,2	0,1	77,9	18,1	5,0	127,5
6	2,5-3,0	1,4	6,7	15,8	0,4	21,0	25,5	0,7	71,5
7	3,5-4,0	5,4	8,4	59,1	0,4	38,5	64,5	2,2	178,5
8	>4,0	17,6	8,3	64,8	1,2	566,0	486,5	3,3	1147,7
Tổng		105,9	213,6	231,9	6,1	1224,4	643,7	66,1	2491,7

Bảng PL2.5: Thống kê diện tích ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ kiểm tra $P=0,5\% + \text{Mưa cực đoan (BĐKH)}$

TT	Độ sâu ngập (m)	Diện tích ngập lụt (ha)							
		Bình Minh	Bắc Sơn	Hồ Nai 3	Sông Trầu	Tân An	Thiện Tân	Vĩnh Tân	Tổng
1	0,0-0,5	27,6	33,6	48,0	1,2	54,1	8,4	30,2	203,1
2	0,5-1,0	19,6	15,7	40,5	1,3	46,5	9,1	15,0	147,7
3	1,0-1,5	19,4	82,8	43,8	0,8	197,6	5,5	4,5	354,4
4	1,5-2,0	12,7	52,1	33,9	0,4	161,6	12,1	4,3	277,1
5	2,0-2,5	2,7	10,6	22,9	0,2	83,7	14,6	3,0	137,7
6	2,5-3,0	1,6	4,5	17,4	0,4	26,2	14,1	0,8	65,0
7	3,5-4,0	6,3	7,4	28,9	0,7	38,9	28,3	2,5	113,0
8	>4,0	24,1	21,9	161,3	2,1	683,4	586,4	4,4	1483,6
Tổng		114,0	228,6	396,7	7,1	1292,0	678,5	64,7	2781,6

Bảng PL2.6: Thống kê diện tích ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ tần suất kiểm tra $P=0,5\% + \text{Vỡ đập}$

TT	Độ sâu ngập (m)	Diện tích ngập lụt (ha)							
		Bình Minh	Bắc Sơn	Hồ Nai 3	Sông Trầu	Tân An	Thiện Tân	Vĩnh Tân	Tổng
1	0,0-0,5	24,2	27,9	46,1	1,7	54,8	5,4	25,9	186,0
2	0,5-1,0	28,7	8,8	45,1	1,8	62,2	10,1	19,4	176,1
3	1,0-1,5	37,4	65,2	45,6	5,0	267,1	7,8	27,7	455,8
4	1,5-2,0	9,1	11,8	27,3	0,7	135,0	14,1	3,4	201,4
5	2,0-2,5	20,4	15,3	21,7	0,2	59,7	18,3	4,5	140,1
6	2,5-3,0	3,4	4,2	16,2	0,4	23,4	10,3	1,3	59,2
7	3,5-4,0	5,5	10,4	27,9	0,4	34,0	31,2	5,1	114,5
8	>4,0	16,3	69,4	156,0	1,1	805,1	577,4	11,4	1636,7
Tổng		145,0	213,0	385,9	11,3	1441,3	674,6	98,7	2969,8

Phụ lục III

(Kèm theo Quyết định số: 758/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)



SỐ HỘ, HƯỚNG DI TẢN, NƠI DI CHUYỂN ĐẾN, PHƯƠNG TIỆN DI CHUYỂN KHI CÓ Lũ LỚN, BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH DI TẢN DÂN CƯ THEO CÁC KỊCH BẢN

Bảng PL3.1: Số hộ ảnh hưởng, hướng di chuyển, phương tiện di chuyển kịch bản xả lũ thiết kế P=1,5%

Xã	Số hộ dân	Hướng di chuyển/ Tuyến đường di chuyển	Nơi di chuyển đến	Phương tiện di chuyển
Bắc Sơn	393	Đường liên thôn, đường bê tông, đường TL767	Trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Hố Nai 3	281	Đường liên thôn, đường Lê Ngô Cát	Trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Tân An	1525	Đường liên thôn, đường Cộ- cây xoài	Đình chùa, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Thiện Tân	2	Đường liên thôn, đường Sờ Quýt	Đình chùa, trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Vĩnh Tân	439	Đường liên thôn, đường bê tông, đường TL767	Trường học, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ

Bảng PL3.2: Số hộ ảnh hưởng, hướng di chuyển, phương tiện di chuyển kịch bản xả lũ kiểm tra P=0,5%

Xã	Số hộ dân	Hướng di chuyển/ Tuyến đường di chuyển	Nơi di chuyển đến	Phương tiện di chuyển
Bình Minh	10	Đường liên thôn, đường Cộ- cây xoài	Trường học, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Bắc Sơn	431	Đường liên thôn, đường bê tông, đường TL767	Trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Hố Nai 3	209	Đường liên thôn, đường Lê Ngô Cát	Trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Tân An	2112	Đường liên thôn, đường Cộ- cây xoài	Đình chùa, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Thiện Tân	116	Đường liên thôn, đường Sờ Quýt	Đình chùa, trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Vĩnh Tân	466	Đường liên thôn, đường bê tông, đường TL767	Trường học, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ

Bảng PL3.3: Số hộ ảnh hưởng, hướng di chuyển, phương tiện di chuyển kịch bản xả lũ thiết kế P=1,5%, mưa cực đoạn hạ du (BĐKH)

Xã	Số hộ dân	Hướng di chuyển/ Tuyến đường di chuyển	Nơi di chuyển đến	Phương tiện di chuyển
Bình Minh	34	Đường liên thôn, đường Cộ- cây xoài	Trường học, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Bắc Sơn	558	Đường liên thôn, đường bê tông, đường TL767	Trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Hố Nai 3	336	Đường liên thôn, đường Lê Ngô Cát	Trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Tân An	2078	Đường liên thôn, đường Cộ- cây xoài	Đình chùa, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Thiện Tân	2	Đường liên thôn, đường Sờ Quýt	Đình chùa, trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Vĩnh Tân	621	Đường liên thôn, đường bê tông, đường TL767	Trường học, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ

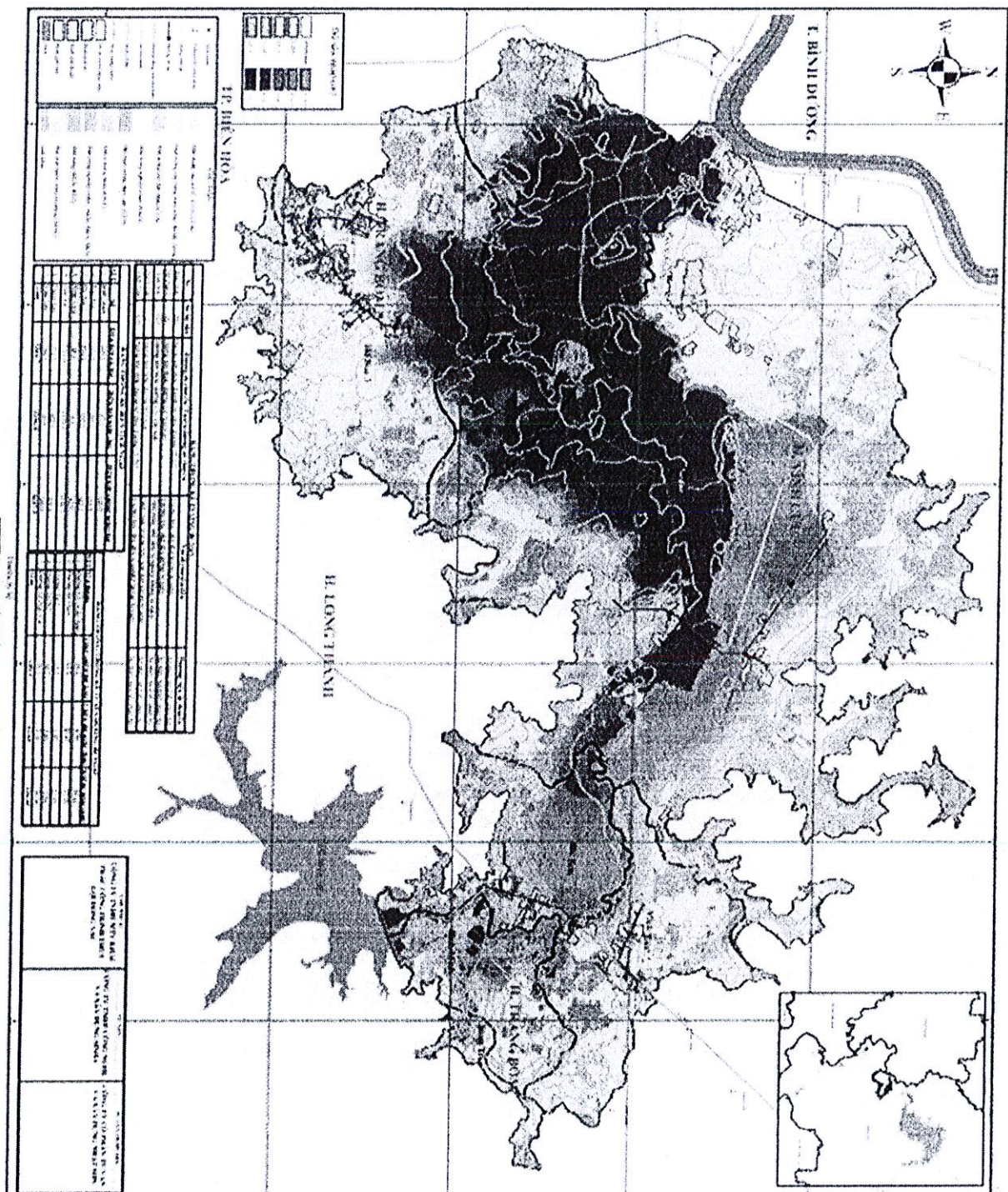
Bảng PL3.4: Số hộ ảnh hưởng, hướng di chuyển, phương tiện di chuyển kịch bản xả lũ kiểm tra P=0,5%, mưa cực đoạn hạ du (BĐKH)

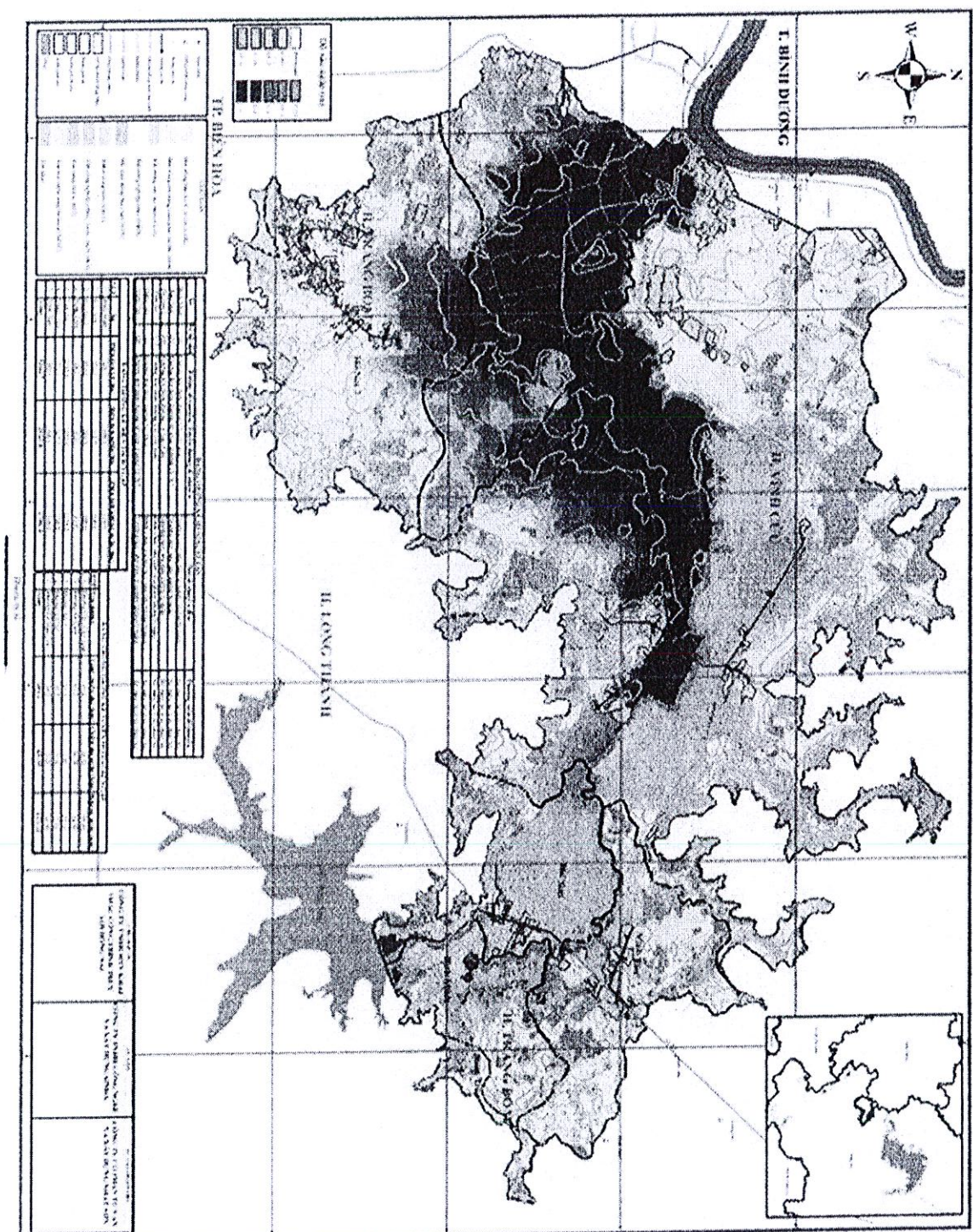
Xã	Số hộ dân	Hướng di chuyển/ Tuyến đường di chuyển	Nơi di chuyển đến	Phương tiện di chuyển
Bình Minh	34	Đường liên thôn, đường Cộ- cây xoài	Trường học, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Bắc Sơn	584	Đường liên thôn, đường bê tông, đường TL767	Trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Hố Nai 3	1261	Đường liên thôn, đường Lê Ngô Cát	Trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Tân An	2289	Đường liên thôn, đường Cộ- cây xoài	Đình chùa, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Thiện Tân	15	Đường liên thôn, đường Sờ Quýt	Đình chùa, trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Vĩnh Tân	586	Đường liên thôn, đường bê tông, đường TL767	Trường học, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ

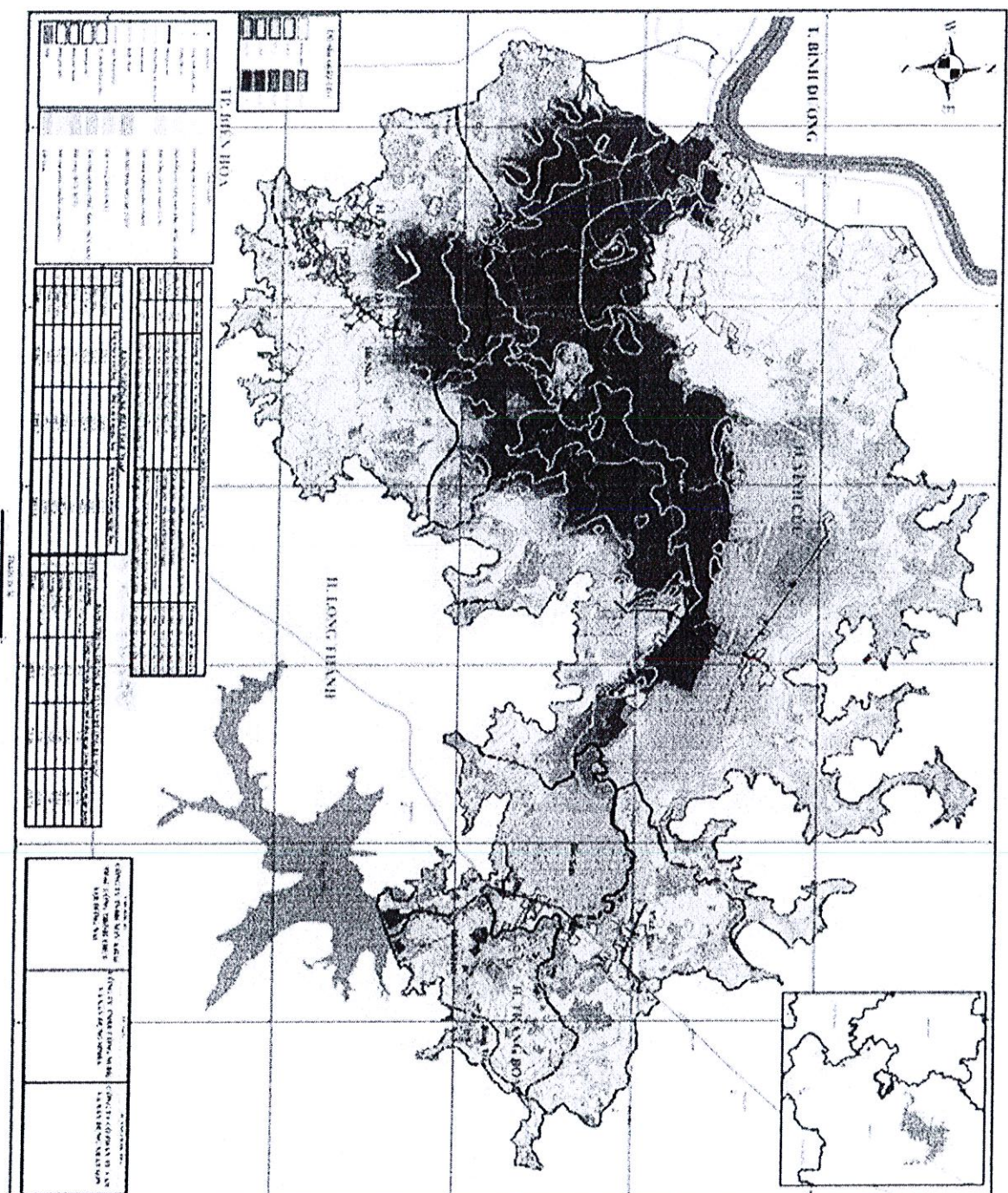
Bảng PL3.5: Số hộ ảnh hưởng, hướng di chuyển, phương tiện di chuyển kịch bản xả lũ tần suất kiểm tra P=0,5% + Vỡ đập

Xã	Số hộ dân	Hướng di chuyển/ Tuyến đường di chuyển	Nơi di chuyển đến	Phương tiện di chuyển
Bình Minh	10	Đường liên thôn, đường Cộ- cây xoài	Trường học, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Bắc Sơn	413	Đường liên thôn, đường bê tông, đường TL767	Trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Hố Nai 3	1229	Đường liên thôn, đường Lê Ngô Cát	Trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Tân An	3729	Đường liên thôn, đường Cộ- cây xoài	Đình chùa, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Thiện Tân	216	Đường liên thôn, đường Sờ Quýt	Đình chùa, trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Vĩnh Tân	1590	Đường liên thôn, đường bê tông, đường TL767	Trường học, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ

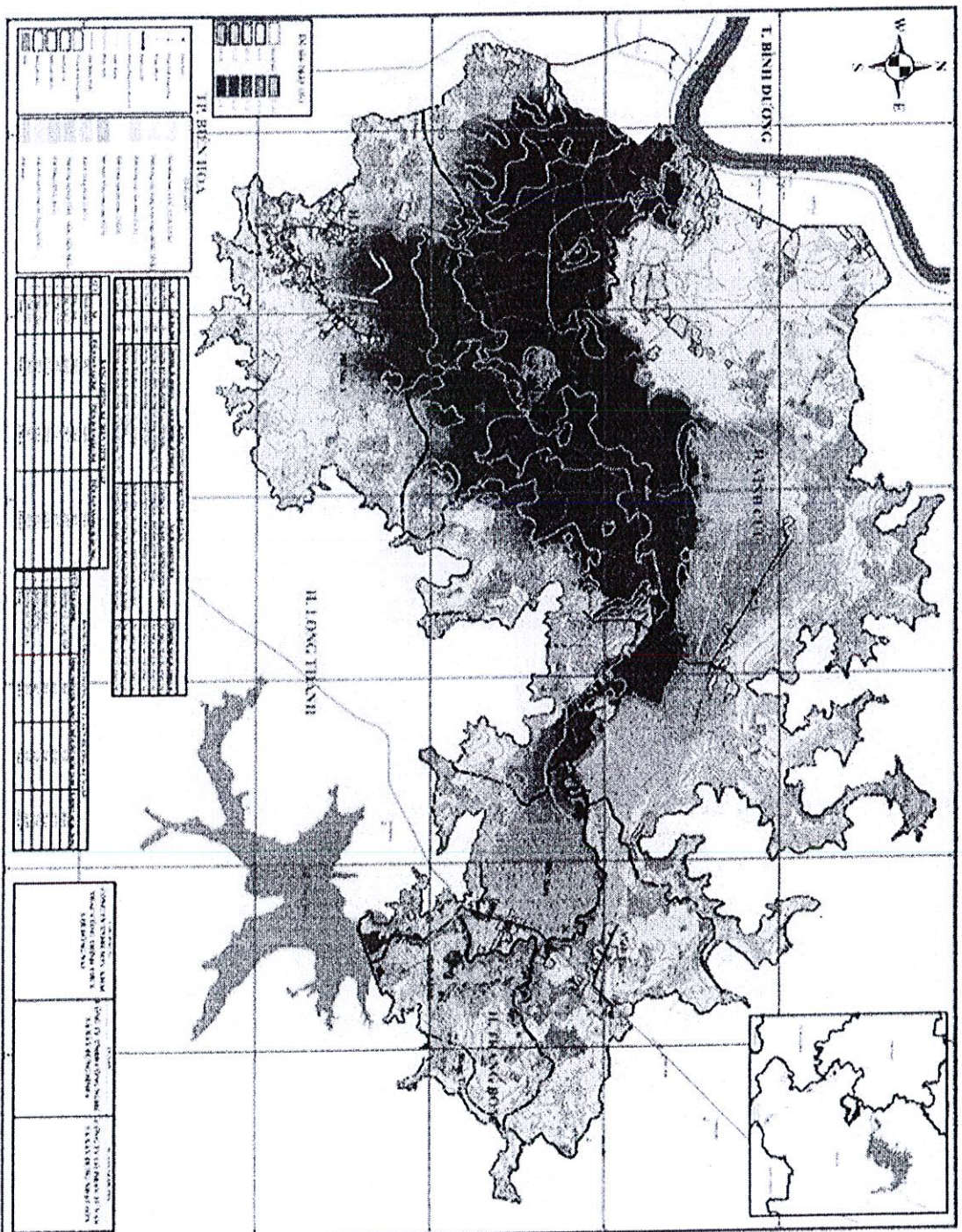
Hình PL3.1: Bản đồ kế hoạch di tản dân cư kịch bản xả lũ thiết kế tần suất 1,5%
BẢN ĐỒ DI DÀN THEO KỊCH BẢN 1: XẢ LŨ THIẾT KẾ TẦN SUẤT 1,5%





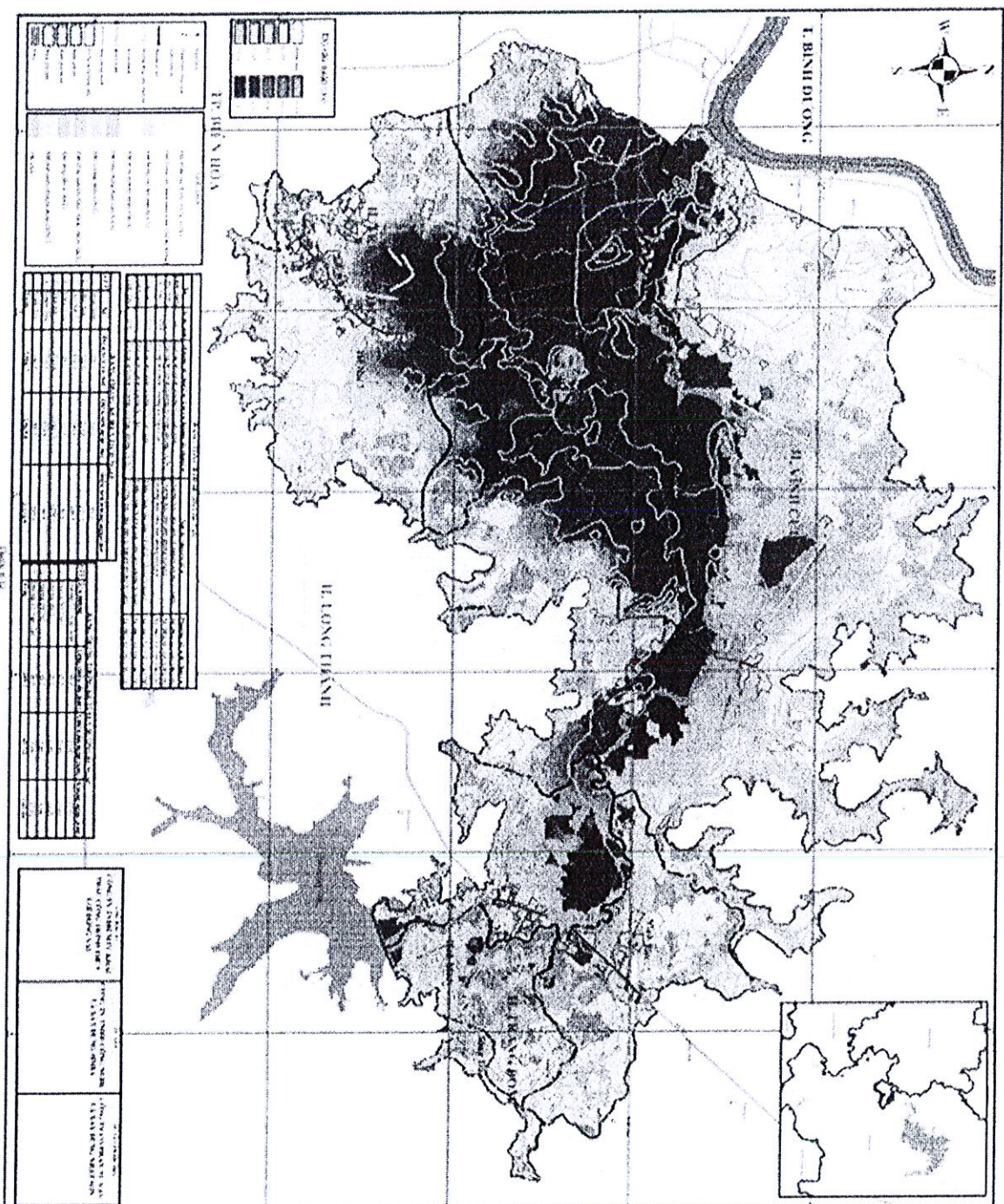


BẢN ĐỒ ĐI DẪN THEO KỊCH BẢN 4: XẢ LỬ TÀN SUẤT 0,5% VÀ MƯA CỰC TRỊ HẠ DƯ, BIẾN ĐỘNG KHÍ HẬU



Hình PL3.5: Bản đồ kế hoạch di tản dân cư kịch bản xả lũ tràn xuất kiểm tra $P=0,5\% + V\ddot{o}$ đập

BẢN ĐỒ DI DÂN THEO KỊCH BẢN S: NẢ LŨ TRÀN SỰẤT KIỂM TRA 0,5% VÀ VỠ ĐẬP



Phụ lục IV

(Kèm theo Quyết định số: 758/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**PHƯƠNG ÁN HUY ĐỘNG NHÂN LỰC, PHƯƠNG TIỆN, MÁY MÓC, THIẾT
BỊ, VẬT TƯ**

Bảng PL4.1: Dự phòng lương thực, thực phẩm, thuốc men phục vụ công tác
PCTT – TKCN

STT	Chủng loại	Đơn vị	Số lượng	Đơn vị chủ trì
1	Thuốc phục vụ phòng chống lụt bão (cơ sở)	Cơ sở	60	Sở Y tế
2	Thuốc gia đình	Cơ sở	600	
3	Thuốc chống dịch	Cơ sở	600	
4	Thuốc clomin B	Kg	200	
5	Vật tư y tế cho tuyến tỉnh	Cơ sở	8	
6	Vật tư y tế cho tuyến huyện	Cơ sở	4	
7	Vật tư y tế cho tuyến xã	Cơ sở	10	
8	Hóa chất vệ sinh môi trường	Lít	400	
9	Mỳ ăn liền	Thùng	10.000	Sở Công Thương
10	Lương khô	Thùng	180	
11	Gạo	Tấn	300	
12	Nước uống đóng chai	Thùng	2.000	
13	Các mặt hàng lương thực thực phẩm khác	Tấn	100	
14	Xăng	Lít	10.000	
15	Dầu	Lít	10.000	

Bảng PL4.2: Dự phòng phương tiện phục vụ di tản

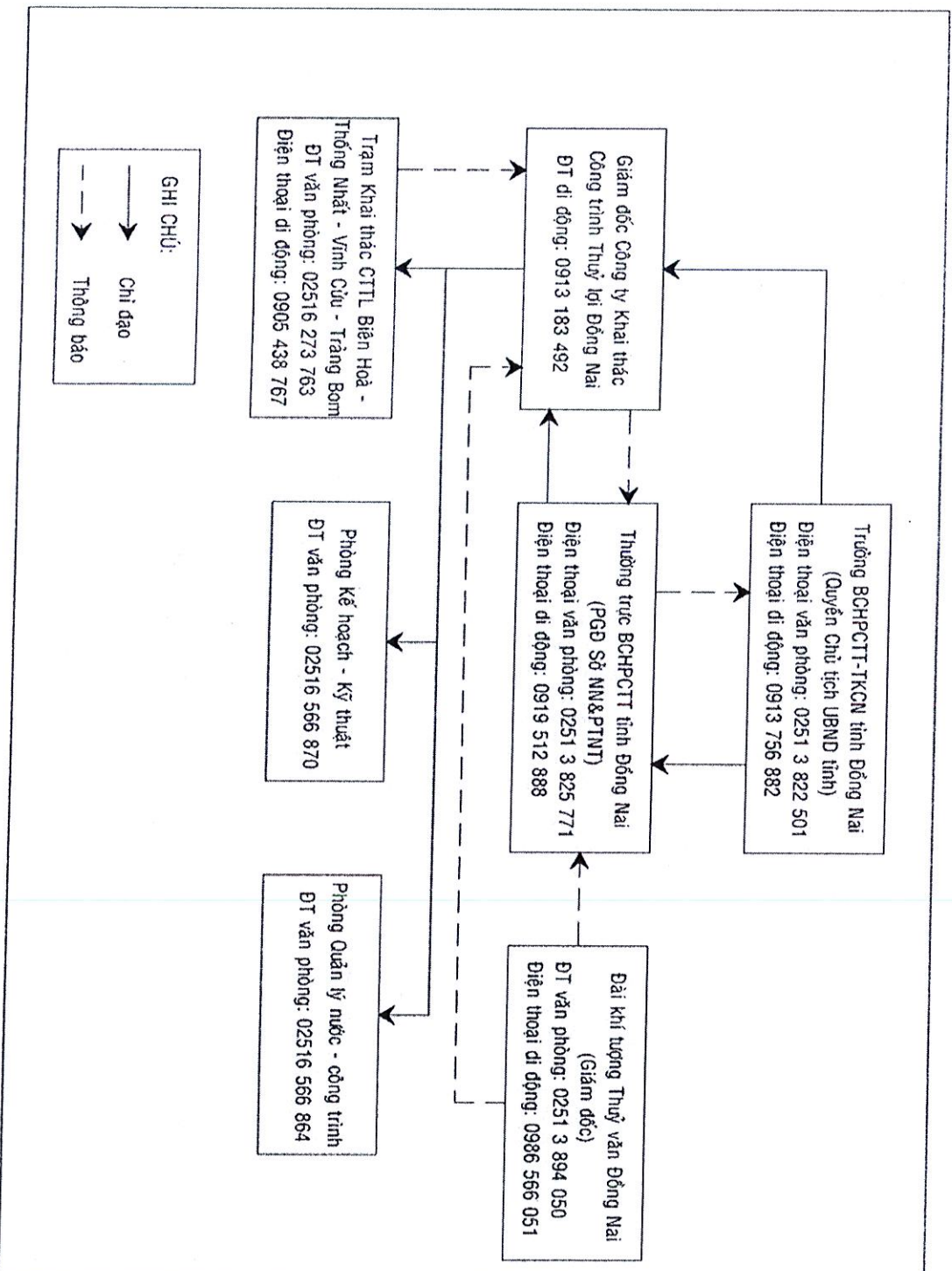
STT	Kịch bản	Xe máy (Chiếc)	Ôtô 15 chỗ (Chiếc)
1	Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,5%	320	133
2	Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ kiểm tra tần suất 0,5%	400	170
3	Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,5% + Mưa cực đoan (BĐKH)	450	182
4	Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,5% + Mưa cực đoan (BĐKH)	500	251
5	Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ tần xuất kiểm tra P=0,5% + Vỡ đập	600	399



Phụ lục V
(Kèm theo Quyết định số: 758/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

SƠ ĐỒ BÁO CÁO ĐỐI VỚI CÁC MỨC BẢO ĐỘNG

Sơ đồ 5.1: Sơ đồ báo cáo đối với mức bảo động số 1 (Đề phòng)



Sơ đồ 5.2: Sơ đồ báo cáo đối với mức bảo động số 2 (Sẵn sàng)

